
SỐ 10 : THÁNG MARS 1942

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHIẾU-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH-HÒE

TRONG SỐ NÀY:

- | | |
|---|--|
| — Xã-hội và thế-giới ngày Mai. | VŨ VAN-HIỀN |
| — Những hoạt-động văn-chương Việt-Nam
trong năm vừa qua. | DIỆU-ANH |
| — Vấn-đề may rủi đối với khoa-học. | NGUY NHƯ KONTUM |
| — Mùa xuân trong thơ Đường. | PHAN ANH |
| — Tập Bút. | NGUYỄN LƯƠNG-NGỌC |
| — Thơ là gì. | PHẠM VĂN-HẠNH,
ĐOÀN PHÚ-TỬ,
NGUYỄN-XUÂN-SANH |
| — Giọt sương hoa. | PHẠM VĂN-HẠNH |
| — Buồn mơ... | NG. XUÂN-SANH |
| — Âm-nhạc lời hát ả-đào. | NGUYỄN XUÂN-KHOÁT |
| — Đông-phương và Tây-phương. | ĐÌNH GIA-TRINH |
| — Ăn Tết. | ĐỖ ĐỨC-DỤC |
| — Hải hươe trong ca dao Việt-nam | NG. NGỌC-MINH |
| — Cô Lan, truyện ngắn. | VŨ ĐÌNH-HIỀN |

Ngày Mai

CHIẾN-tranh kéo dài trong ba mươi tháng nay đương làm rung chuyển cuộc sinh-hoạt của mọi dân-tộc trên hoàn-cầu. Sống trong sự bó buộc, thiếu thốn, chật hẹp, và đứng trước những sự thay đổi nhanh chóng bất ngờ trên trận-địa, trên trường chính-trị, trong hai phái dự chiến, mọi người đều tự hỏi : tương lai rồi đây sẽ ra sao ?

Thật khó giả nhời được câu đó, tuy rằng người ta tự hỏi như thế đã nhiều lần từ khi bắt đầu lịch sử nhân loại và từ khi có những cuộc chiến-tranh tàn khốc.

Trong những năm làm than 1916-1917 giữa cuộc đại-chiến trước, người ta cũng đã từng có những nỗi băn khoăn về tương lai như thế.

Những nguyện vọng thịnh hành nhất bấy giờ là một liên đoàn dân-tộc để bảo đảm quyền tự lập cho mọi quốc-gia ; khước trương sự giao-dịch quốc-tế để gây sự sung túc cho hoàn cầu ; cải-cách xã-hội để nâng cao trình-độ của giai-cấp cần-lao.

Những nguyện vọng ấy đều dựa vào lý-tưởng tự-do và bình-đẳng là những lý-tưởng đã dùng làm khẩu hiệu tranh đấu cho hầu hết các cuộc đảo-chính ở thế-giới từ đầu thế-kỷ 18 cho đến năm 1914 và đã từng làm nền tảng cho xã-hội tư-bản Âu-Mỹ.

Cải cách xã-hội và giải phóng giai-cấp cần lao, theo quan niệm bấy giờ, chẳng qua chỉ là những phương tiện khiến cho cá-nhân trong giai-cấp ấy được tự-do phát triển, được bình-đẳng với cá-nhân trong giai-cấp khác. Người ta cổ động khước trương sự giao-dịch quốc-tế vì tin rằng cạnh tranh càng rộng, tự do càng nhiều thì xã-hội càng giàu và nền kinh-tế càng được tiến bộ. Còn như lập một liên đoàn dân tộc, một hội Quốc-liên, tức là đem tư tưởng vẫn áp dụng cho cá-nhân mà áp dụng vào quốc-gia vậy, vì cách tổ-chức của liên-đoàn quốc-tế không khác gì một cách tổ-chức một hội của tư-nhân : các phần

tử của liên đoàn cũng được tự-do vào hội, tự-do ra hội, và trong khi ở trong hội cũng được bình-đẳng và dùng cách đầu phiếu để chọn những cơ-quan điều khiển hội.

Vậy những nguyện-vọng của thế-hệ cuộc đại-chiến trước chỉ là những đóa hoa muộn nhất mà đẹp nhất nở trên cái cỗi xã-hội tư-bản già đã ngoài hai thế kỷ.

Trong xã-hội ấy, giáo-dục, luân-lý, văn-học, pháp-luật, kinh-tế, thứ gì cũng dựa theo quan niệm cá-nhân, tự-do và bình-đẳng.

Mục đích giáo dục là làm cho cá-nhân được phát triển đầy đủ theo tính cách riêng của mỗi người. Trong gia-đình và tại học đường, người ta đều hết sức tránh không gây cho đứa trẻ một thành kiến gì, không phân biệt là thành kiến về quốc-gia, tôn-giáo, mỹ-thuật hay khoa-học. Người ta sợ những thành kiến ấy làm cho chúng mất tự-do để chọn con đường chúng sẽ theo.

Về luân-lý, những cuộc tranh-luận không bờ bến của các học-giả đã làm cho người ta không còn biết rõ đâu là đạo-đức nữa ; mỗi phái có một quan-niệm riêng về điều hay ; còn đối với quần-chúng, thì tư tưởng thông thường nhất về luân-lý chỉ gồm có sự kính-trọng « cá nhân » ở mình và ở người khác.

Trong văn-học mỗi người được tự-do đi tìm kiếm chân lý và cái đẹp, được tự-do đem trình bày ý-kiến của mình, không ngại rằng ý kiến ấy có phương-hại đến cuộc sinh-hoạt của đoàn-thể.

Luật-pháp chỉ can thiệp đến công việc của tư-nhân để tránh các sự hành động trực tiếp làm rối loạn trật-tự chung và để giữ cho tư-nhân được tự-do giao dịch, tự-do ký kết ; tư-sản được luật-pháp coi là một quyền-lợi tuyệt đối, vì người ta coi của cải là một phần-tử của cá-nhân cũng đáng được che chở và bảo đảm như người vậy.

Người ta tin rằng cá nhân có thể tự mình đến được chỗ hoàn-mỹ, nên về kinh-tế, mọi việc đều trông mong vào sáng kiến của cá-nhân. Cứ để cho tư-nhân theo đuổi quyền lợi riêng của mình ; trong xã-hội sẽ có sự cạnh tranh để làm cho xã-

hội tiến-bộ và một nền trật-tự hoàn toàn sẽ do đấy mà gây nên, đó là nguyên-tắc của nền kinh-tế tư-bản.

Ta không thể quả quyết rằng sau cuộc đại chiến này rồi ra những tư-tưởng ấy sẽ bị mọi dân-tộc trên hoàn-cầu bỏ hẳn.

Phần thắng lợi về phe nào đi nữa, rồi thế-giới cũng phải qua một thời kỳ quá-độ trong khi ấy mọi nước sẽ phải đem hết tài-sản và tâm-lực để hàn gán lại những vết thương của chiến tranh, xây đắp lại các nơi bị tàn phá, tích trữ lại những vật-dụng đã phung phí và nhất là sắp đặt lại sự sản xuất và giao dịch cho hợp với lúc bình thời. Công cuộc ấy quá sức của tư-nhân, và quốc-gia sẽ phải can-thiệp và hạn-chế mọi sự tự-do, để điều-khiển sự hoạt-động của toàn thể theo một phương-châm nhất định.

Nhưng sau thời kỳ quá độ ấy, người ta còn quay lại những lý-tưởng tự-do, bình-đẳng và cá-nhân nữa không ?

Đó là điều bí mật của tương-lai.

Bằng cứ vào tình trạng bây giờ, nhiều nhà tư-tưởng bảo xã-hội tư-bản căn cứ vào cá-nhân và tư-sản đến bây giờ là hết.

Từ nay người ta không còn coi cá-nhân là mục đích của mọi sự hoạt động, là cứu cánh của đời người và của sự tổ-chức xã-hội nữa. Trên cá-nhân, người ta còn thấy có đoàn-thể là thứ đáng tôn trọng, đáng sùng bái hơn. Đoàn-thể ấy là gia-đình, quốc-gia hay nói giống, là thứ có tính-cách thiêng liêng vì nguồn gốc nó mịt mù trong lịch-sử mà tương-lai nó cũng mờ mịt mang vĩnh viễn ; cá-nhân chỉ là trạng thái tạm thời để giữ vững và lưu-truyền đoàn-thể.

Trong quan niệm « cộng-đoàn » (communautaire) ấy, văn-học, giáo-dục, luân-lý, luật pháp, tổ-chức kinh-tế đều căn-cứ vào những yếu-tố khác hẳn với xã-hội tư-bản bây giờ. Quyền lợi của cá-nhân sẽ nhường bước cho quyền lợi của đoàn-thể, và « phụng-sự » sẽ là khẩu hiệu chung cho mọi người.

Đã không coi cá-nhân là mục-đích, người ta cũng không còn tin rằng cá-nhân tự mình biết đi

tới chỗ hoàn-mỹ để phụng-sự đoàn-thể. Vì thế cần phải đoàn-kết mọi người, theo địa-phương, theo giai-cấp mà nhất là theo nghề nghiệp ; rồi ở mỗi bậc đặt một vị « thủ lĩnh » để chỉ-huy và trên cùng là một vị thủ-lĩnh làm tiêu-biểu và hướng đạo cho đoàn-thể.

Những tư-tưởng và lối tổ-chức ấy hiện đã thực hành ở nhiều nước, và sau những cuộc cách-mệnh xảy ra từ năm 1918, đã được coi là những tư-tưởng và lối tổ-chức của tương-lai.

Về mặt quốc-tế, lối tổ-chức dựa theo quan niệm « cộng-đoàn » cũng khác hẳn lối tổ-chức theo lối dân-chủ sau cuộc đại-chiến 1914-1918.

Trước kia, một quốc-gia tức là một cá-nhân đã trưởng thành có đủ quyền lợi và được hoàn toàn tự chủ, bây giờ người ta bắt đầu nhận rằng chủ-quyền không phải là tuyệt-đối và trong sự giao-dịch về quốc-tế, cũng có những quyền-lợi chung cho cả nhân-loại hay cả một khu vực mà cần phải đề trên những quyền-lợi riêng của từng xứ.

Trước kia, Hội Quốc-liên cốt hợp nhất trong sự bình-đẳng mọi quốc-gia trên hoàn-cầu ; tính cách « đại-đồng » đó làm cho tòa lâu-đài ở Genève thêm vẻ sán lạn nhưng cũng làm cho nó xa thực-tế và kém bền vững chãi. Trong trận chiến-tranh này người ta cảm giác rằng đương hoàn thành cách tổ-chức thế-giới theo từng khu-vực gồm có những nước bị thất chặt lấy nhau bằng những giây liên lạc vững trãi về văn-hóa và về kinh-tế.

Những cuộc hội nghị Liên-Mỹ mấy tháng nay, và những sự cố gắng của nước Pháp để giúp vào cuộc tổ-chức lại lục-địa Âu-châu là những triệu-chứng tỏ rằng hiện nay ta đương dần tiến về sự tổ-chức đó.

Vì thế nên có người nói rằng cuộc chiến tranh bây giờ không những là cuộc chiến tranh của mấy quốc-gia, mấy dân-tộc, mà còn là cuộc chiến đấu ở giữa hai lý-tưởng phản-trái, hai quan-niệm khác nhau về xã-hội nữa.

V. V. H.

Thông hiểu sự vật
và tư tưởng...

Thống-chế Pétain đã nói :

« Quốc-trưởng là người làm cho ai nấy vâng theo và quý mến. Ngài không bắt buộc ai, mà ngài được thiên hạ tâm-phục ».

NHỮNG HOẠT ĐỘNG VĂN CHƯƠNG

TRONG một nước trình độ dân trí cao thì ở văn chương có phát triển đủ các loại. Ở nước ta những điều kiện giúp cho sự nảy nở của những loại văn chương khổ khổ bắt người đọc phải suy nghĩ nhiều không có đủ nên hai loại văn phát triển rồi rào nhất vẫn là thơ và tiểu thuyết.

Có một tình trạng ai cũng nhận thấy là dân ta phần đông nghèo hoặc thất học, không coi đọc sách là một sự cần thiết. Vì lẽ đó các nhà văn có khi sợ sách không bán được không hăng hái mà viết. Tại văn khổ khổ hoặc chuyên môn ở các nước khác cũng chỉ dành riêng cho một nhóm người đọc mà thôi: những sách chuyên môn về khoa học, về triết học v. v... Nhưng những nhóm người đó tuy vậy cũng đã quan trọng so với nước ta, nên sự kết tạo các tác phẩm văn được rồi rào. Ở xứ ta lại còn có một trở ngại đặc biệt khác nữa: trong các học đường chữ Pháp dùng để giảng dạy các môn học nên người có Tây-học khá ưa đọc những sách khảo cứu bằng tiếng Pháp hoặc một tiếng Âu-tây, còn người học thức sơ sài thì lại chỉ ưa những văn chương nhảm nhí mà thôi.

Năm vừa qua, trong số các tác phẩm có tính cách khảo cứu hoặc sự phạm ta phải kể cuốn *Việt-nam văn phạm* của ông Trần Trọng-Kim tuy còn khuyết điểm trong nội dung nhưng cũng có đôi chút giá trị; quyển *Đại-việt văn học lịch sử* của ông Nguyễn Sĩ-Đạo, sách vẫn tốt và sơ lược nhưng viết bằng một lối văn sáng láng và trôi chảy. Một nhóm nhà văn đã dự định mở những tùng-thư về sử-học và văn-học để thu thập tài liệu cho những xây dựng về học thuật sau này. Dự định ấy trong ý tưởng thì hay vô cùng, nếu nó qua được thực hành thì một ngày kia ta sẽ có thể đọc được những sử-ký, những văn-học sử, những thiên khảo cứu có giá trị về những vấn đề chuyên-môn ở văn chương. Nhưng ta phải công nhận rằng việc ấy đầy chông gai và cần đến đề cớ đáng nói những người làm việc theo một phương-pháp khoa-học và có một học vấn rộng và sâu. Muốn hiểu một văn-chương của nhà học giả cần phải biết nhiều văn chương khác để có thể so sánh và định giá các quan niệm các nghệ thuật. Ta không được nhầm

lẫn viết sử với viết tiểu thuyết lịch sử; ta cần phải có một phương-pháp nghiêm khắc để kiểm chế ta lúc làm việc, nói tóm lại, ta cần phải hiểu sự cách biệt và sự liên lạc của phương-pháp khoa-học với phương-pháp cấu tạo trong văn-chương và thi ca. Về sử-học ta có thể đặt nhiều hi-vọng vào những nhà khảo cứu hội viên trường Viễn-dông bác cổ.

Một điều đáng đề ta chú ý là gần đây trên văn đàn Việt-nam người ta đã có gắng nhiều trong những công cuộc khảo cứu và phê bình văn học. Tờ tuần báo Tri-Tân ở Hà-thành có đăng một thiên văn-học-sử của Hoa-Bằng. Ta mới thấy xuất bản mấy quyển sách của ông Ngô Tất-Tổ, nhà nho tác giả cuốn *Lều chông*, bàn về văn hóa và văn học Việt-nam (Việt-nam văn học I — nhà Mai-lĩnh xuất bản). Ta sẽ có dịp bàn tới giá trị của các cuốn sách đó trên tập báo này và xét phương-pháp làm việc của các tác giả.

2. Các sách phê bình văn chương vẫn có thể coi là hiếm. Từ các sách phê-bình của Thiệu-Son khi xưa tới nay khoa phê-bình văn học ở sách, ở báo, vẫn chưa tiến bộ được là bao. Thường thường các tác giả lầm lẫn phê bình với tán dương, với sự tóm tắt các tác phẩm bằng nhiều lời. Muốn làm một nhà đại phê bình cần phải có một học vấn bao quát và một thông minh để cảm hội tinh tinh, hiểu thấu rất nhiều tư-tưởng. Không một khoa nào cần đến một học thức đại cương rộng bằng khoa phê-bình văn-chương: ta hãy lấy thí-dụ ở văn học Pháp và hãy mời đọc giả đọc những tác phẩm của Brunetière, Lemaître, Faguet. Trong một văn-chương giàu như văn-chương Pháp, nhà phê bình cần phải là một triết gia để hiểu những thuyết xã hội và chính trị của những văn sĩ như Rousseau, Diderot, một thi sĩ như Lamartine....; nhà phê-bình cần phải có một kiến thức đại cương về khoa học để hiểu Buffon, Taine v. v....; nhà phê-bình phải là một người thẩm mỹ để có thể định giá trị được những bài phê-bình nghệ thuật của Diderot, cách hành văn của các nhà thi-sĩ phái tượng trưng v. v... Có lẽ những điều kiện học vấn ấy chưa có đủ ở nhiều nhà phê-bình Việt-nam

VIỆT-NAM

thế khoa phê
bình ở văn
chương ta chưa

được phát triển hoàn toàn. Gần đây các ông Hoài-Thanh và Hoài-Chân mới xuất bản một cuốn sách phê-bình về thi-sĩ Việt-nam hiện đại (*Thi nhân Việt-nam 1932-1941*). Tác phẩm ấy chứng tỏ một khuynh hướng mới trong sự khảo xét các hiện-tượng ở văn chương và rất đáng đề ta chú ý.

Trong loại tùy bút năm nay ta lược được một tác phẩm có giá trị văn-chương của Nguyễn-Tuân. Tùy bút là một loại văn mới, được các văn sĩ chăm chút trong văn chương Việt-nam, xét ra nó tiện lợi cho sự diễn tả tưởng và tình cảm một lối tự nhiên và xinh xắn.

Trong kịch giới sự sáng tác vẫn kém rồi rào. Các kịch-sĩ Vi Huyền-Đắc và Khái-Hưng trong năm nay sáng tạo rất ít. Ông Đoàn Phú-Tứ có cho xuất bản những tập kịch nhỏ của ông (*Mơ hoa, Những bức thư tình*). Những kịch đó viết bằng một thứ văn linh hoạt và mang một

NG NĂM VU'A QUA

tinh thần lãng mạn mới mẻ. Kịch của ông Đoàn Phú-Tứ không phải kịch tả thực mà là một loại kịch pha lẫn tả chân với mơ mộng, đi tới gần nghệ thuật của Alfred de Musset trong văn học Pháp. Ta phải công nhận rằng ông Khái-Hưng có tài viết những kịch tả chân ngắn rất linh động, nhưng trong năm vừa qua ông không sản xuất được mấy tác phẩm.

Như ta đã nói ở trên, hai loại văn được chăm chút nhất là thi ca và tiểu thuyết. Duyên cớ của tình trạng ấy bởi lẽ hai loại đó có một tính cách đặc biệt: người ta tưởng thi ca và tiểu thuyết là những loại trong đó sự sáng tạo các tác phẩm dễ dãi và tiện lợi. Một vài chàng thanh niên ưa mơ mộng thấy đem những tình cảm của họ diễn ra bằng mấy chục câu thơ thì vừa dễ dãi mà lại còn được cái danh hiệu mỹ miều là thi sĩ nữa! Một vài nhà văn non nớt nóng đem phở bày một vài quan sát, diễn một vài tư tưởng, vội viết tiểu thuyết vì tiểu thuyết là một loại không bị bó buộc bởi nhiều luật lệ và có thể nấp dưới muôn hình trạng.

khó khăn, nguy hiểm cho những nhà văn ít kinh nghiệm. Bất cứ ở nước nào, trong mỗi thế hệ phỏng người ta tìm được bao nhiêu thi hào? Về tiểu thuyết cũng vậy, một đại tiểu-thuyết gia cũng khó tìm hầu như một đại thi bá vậy. André Gide cho rằng các đại tiểu-thuyết gia Pháp so với các tiểu-thuyết gia Anh và Nga còn là thua kém. Theo ý ông thì Balzac không chịu được sự so sánh với Dostoïevsky cũng như Lesage không đề ngang hàng được với Fielding hay Cervantès (*Nouvelle revue française* — Avril 1913). Nếu một ai trong chúng ta đã đọc qua các tác phẩm của Dostoïevsky, Tolstoï và các tiểu-thuyết gia Pháp cận đại như Anatole France, Paul Bourget, Maurice Barrès, Henry Bordeaux, Edmond Jaloux, André Gide... thì sẽ thấy những lời phê-bình nghiêm khắc của một vài người về nghệ thuật tiểu thuyết ở nước ta không phải quá đáng gì.

Thi ca xuất bản rất nhiều nhưng những tác phẩm có giá trị rất ít. Những luật lệ về thơ cổ của ta bị phong trào thơ mới lời bài xích và

sửa chữa lại, nhưng vì ở nước ta những hoạt động văn-chương thiếu trật tự, thống hệ, không có nhiều trao đổi về lý thuyết nên những lệ luật về thơ mới chẳng bao giờ được định một cách rõ rệt cả. Các nhà thơ thường viết theo linh khiêu của họ và chỉ bắt buộc phải theo một vài luật lệ đại cương chung mà thôi. Vì vậy nên phê-bình thi ca Việt-nam hiện đại có chút khó khăn: ta phải đứng ở phương-diện nào để phê bình? theo một thi pháp nào? so sánh các tác phẩm với một mẫu đẹp lý tưởng nào?

Một điều người ta thường nhận xét là một tật xấu thông thường của nhiều bài thơ của các tác giả tự cho mình là thi sĩ: sự nghèo nàn trong thi tứ (ngoài các đề về tình ái, thiếu những rung động mới lạ, những bản khoán có tính cách quảng đạt và cao thượng), sự thiếu nhạc điệu trong hình thức.

Trong năm nay ta đã được đọc « *Mấy vần thơ tập 2* » của Thế-Lữ gồm có những bài thơ cũ đã in và thêm vào một ít bài thơ mới của

ác giả. Thơ của Thế-Lữ có một điều đặc sắc là có nhạc điệu và được tác giả chăm chú nhiều về hình thức (có một ít đoạn khiến ta nghĩ tới nghệ thuật của các thi sĩ Parnassiens). Trong tập « *Lửa thiêng* » của Huy-Cận ta cũng được thưởng thức nhiều bài hay. Thơ của Huy-Cận thường thiên về diễn ý; về nhạc điệu thì có lẽ hơi nặng-nề hơn thơ của Thế-Lữ, về sôi nổi và thơm mát trong thi tứ thì có lẽ kém Xuân-Diệu, nhưng về tư tưởng thì trong ít bài ông Huy-Cận đã đi khá sâu xa và ta có thể đặt vào nghệ thuật của ông nhiều hi vọng. Gần đây cô Anh Thơ và ông Bang Bá-Lân có xuất bản chung tập thơ « *Xưa* ». Ông Bá-Lân là một nhà thơ có thể tiến bộ hơn nữa về nhạc điệu; ông ưa tả những niềm tình của thời xưa, những tam lý đơn giản ở thôn quê và thi vị của đồng nội. Cô Anh Thơ không ưa diễn những mơ mộng và những tình cảm lãng mạn; cô muốn là một nhà thi sĩ tả chân và cô ưa làm sống lại những hoạt động của thời xưa, tả thực những cảnh sống nô náo ở thôn quê.

Nếu qua các hàng sách ta khó kiếm được một tác phẩm khảo cứu, những sách triết học, khoa học, thì trái lại ta thấy đâu đâu cũng nhan nhản những tiểu thuyết. Nếu ta muốn gặp các nhà văn viết đề sinh nhai thì phải dò tìm đến cõi đất của tiểu thuyết. Một vài nhà xuất bản ở Hà-nội đã làm giàu bằng nghề mua văn của họ. Họ định giá trước một cuốn tiểu-thuyết họ đặt viết, rồi một nhà văn viết xong đem bán bản quyền tác phẩm cho họ. Một văn sĩ làm việc cho một nhà « xuất bản khách thương » nọ có thú thực với tôi rằng có khi ông ta viết 2 ngày xong một cuốn tiểu thuyết, không kịp đọc lại để chữa nữa, vội đưa cho nhà xuất bản để lấy tiền tiêu. Sách muốn bán chạy thì nội dung cần phải thích hợp với các nhu cầu của đa số công chúng, vì vậy tiểu thuyết nào mà chẳng có ái tình! Phải có những đầu đề đánh vào những thị hiếu của công chúng, những truyện mơn trớn những dục vọng thầm kín của người ta. Do tình trạng đó gần đây đã nảy nở ra một thứ văn chương đầu độc thanh niên và làm bại-hoại luân-lý, một thứ văn chương không nghệ thuật, những sáng tạo ngớ ngẩn vụng dại và non nớt.

Ở xứ ta không có những trường tiểu thuyết gia rõ rệt. Các nhà văn Việt-nam phần nhiều thiên về loại tả chân và loại tiểu thuyết xã hội.

Về tiểu thuyết thì các nhà văn của nhóm Tự-Lực đáng để ta chú ý nhất, nhưng trong năm nay hoạt động văn chương của các ông Khái-Hung, Nhất-Linh, Thế-Lữ có vẻ kém phong phú, và nhà xuất bản Đời-nay thường cho in lại các tác phẩm đã xuất bản trước đây. Ông Khái-Hung có tài viết văn rất linh hoạt và tự nhiên. Ông Nhất-Linh muốn đi sâu xa hơn vào tâm khảm người ta và muốn là một nhà văn xã hội xét những tình trạng của cuộc sống hiện đại để tả những nỗi uẩn khúc của nó. Ông Thế-Lữ trong cuốn « *Trai-Bồ từng-linh* » xuất bản gần đây đã tỏ ra là một nhà văn có tài viết điêu luyện, Ông tả các trạng thái tâm lý, của các cảm xúc, các rung động lạ khéo léo vô cùng, và nghệ thuật của ông vừa là nghệ thuật của một nhà thi sĩ. Ông ưa tả những trạng thái của tâm hồn trước những hiện tượng huyền bí và ông có tài tạo nên trong truyện của ông một bầu không khí hoang đường thi vị đặc biệt và rất có duyên. Tả những cảnh thường ở đời, những tấn kịch nhỏ của nhân sinh với một nghệ thuật tả chân sâu sắc khiến tạo nên những nhân vật đặc biệt biểu hiệu cho một loại tâm lý, cho một giai cấp xã-hội, thì có nhà tiểu thuyết Đổ-đức-Thu, tác giả « *Đứa con* ».

Làm sống lại tâm hồn những thời xưa và phân tích những cảm xúc và trạng thái tâm lý khéo léo thì có mấy nhà văn thuộc về một văn đoàn khác: ông Lưu Trọng-Lư, ông Trần Huyền-Trần và ông Nguyễn Xuân-Huy. Hai ông Lư và Huy trong năm nay không sản xuất mấy. Tác phẩm xuất bản gần đây của ông Trần Huyền-Trần là quyển « *Tâm sự người kỹ nữ* » đã được nhiều độc giả chú ý.

Ngoài ra trong loại những tiểu thuyết đường rừng, những tiểu thuyết lịch sử tình hiệp ta vẫn gặp ông Lan-Khai tác giả cuốn « *Tiếng gọi của rừng thẳm* » đã được chút tiếng tăm cách đây ít năm. Ông Phan Trần-Chúc trong hai cuốn « *Lê Hoan* » và « *Bánh xe khứu quốc* » đã muốn viết truyện lịch sử. Tiếc thay nghệ thuật của ông còn nhiều khiếm khuyết và vụng về và hình như ông không lĩnh hội rõ mối liên lạc của sự thực lịch sử với nghệ thuật của tiểu thuyết. Những nhân vật của ông không sống mạnh mẽ và các khí hậu xưa cũng thường bị ông làm sai lạc cả ý nghĩa và hương vị. Quyển « *Nguyễn Trường-Tộ* » của ông Nguyễn-Lân là một sáng tác viết công phu nhưng ít giá trị linh hoạt về văn chương.

Ở ngoài những sách và tác giả kể trên, công chúng ưa tiêu thuyết chắc đã quen tai với tên các ông Lê Văn-Trương, Nguyễn Công-Hoan... và những nhà văn viết cho Phổ-thông bán nguyệt san và một vài nhà xuất bản khác nữa.

Những tình cách của nhiều cuốn tiểu thuyết Việt-nam cận đại là thiếu sự sâu xa và rộng rãi trong kinh nghiệm của các tác giả, thiếu sự chau chuốt về hình thức. Về phần ý tưởng, về phần truyện, ta nghiệm ra tiểu thuyết Việt-nam chỉ tả những cảnh tượng thông thường, những tình trạng trưởng giả và nhỏ nhặt, cái đời chật hẹp của đa số trong xã hội ta (những tấn kịch gia đình, đời sống của các công chức, nhưng éo le cô điển của tình yêu v. v...). Một nhà tư tưởng thức thời đã nói một lời rất đúng: « Trong tiểu thuyết của ta cũng như trong toàn thể văn chương ta vẫn còn thiếu những bay bổng, thiếu một tinh thần hùng tráng ». Tình trạng đó một phần lớn do ở hoàn cảnh bó buộc ta phải sống chật hẹp không biết tới những thể phiền phức của cuộc một sinh hoạt khoáng đạt. Gia dĩ ở nước ta một số các nhà văn lại có thói xấu coi sự viết văn là một kế sinh nhai chứ không phải là một hoạt động dùng để diễn tả, thực hành những hoài bão, mơ ước của mình, để phấn đấu cho sự đắc thắng của một quan niệm, một lý tưởng; hoặc họ coi sự viết văn là một công việc của tuổi trẻ để tìm một chút danh và khi nào có tiền, có địa vị trong xã hội thì họ không màng tới nữa. Trái lại ở Tây phương, thời sáng tạo thường vào khoảng từ 30 tuổi trở đi, nghĩa là từ lúc kinh nghiệm về đời, về nghệ thuật đã khá gọi là chắc chắn.

Bất cứ một cuốn tiểu thuyết nào của Dostoevsky hay của Balzac cũng là kết quả của bao nhiêu kinh nghiệm, bao nhiêu quan sát và bao nhiêu việc làm của suy nghĩ và tưởng tượng.

Gần đây, vấn đề giáo dục người lớn và trẻ con, việc tạo những tâm hồn trong sạch và mạnh đã được người ta chú ý đặc biệt cũng như người ta đã chú ý tới thể thao và tập luyện thân thể. Những tũn thư đã mở do những nhà văn và những nhà sư phạm có tâm huyết đề xuất bản những sách cho trẻ em đọc. Tủ « Sách Hồng » vẫn tiếp tục xuất bản các truyện vui về luân lý viết bởi những nghệ sĩ có tiếng của Tự-lực văn-đoàn. Loại sách Hoa Xuân viết bởi những bạn trẻ thuộc các đoàn

hướng đạo cũng được các độc giả trẻ em hoan nghênh. Tờ báo Trẻ Em ra đời cũng theo đuổi mục đích hiển cho tri thức các bạn nhỏ những đồ ăn lành mạnh, đề chống lại với sự đọc các sách nhảm nhí.

Đề giáo dục người lớn, đề gây cho ta một ý chí mạnh, những nghị lực cần thiết cho sự sống, ta chẳng nên quên kể bộ « Sức khỏe mới » của tác giả Phạm Ngọc-Khuê. Ông Thái-Phỉ đã viết cuốn « Một nền giáo dục Việt-nam mới » đề phác họa một chương trình giáo dục.



Nam vừa qua là một năm buồn rầu của nhân loại. Ở Âu châu, ở Á châu, ở Phi châu, rồi đến ở khắp các mặt biển, và lục địa, chiến tranh đã lôi cuốn người ta vào một cuộc tàn sát Nước Việt-nam ta vẫn may mắn được đứng ngoài vòng binh lửa. Nhưng chiến tranh đã ảnh hưởng tới đời sống của chúng ta: sự vật lộn để sinh tồn thêm khó khăn; người ta đề ý nhiều đến những thực sự hiện tại mà kém hàng hái trong sự ưa chuộng thực văn chương. Tuy vậy ở văn chương Việt-nam ta cũng nhận thấy nhiều triệu chứng tiến bộ tốt: người ta đã rục rịch tổ chức những công cuộc khảo cứu có phương pháp; nhiều nhà văn có học rộng đã cộng tác cùng những bậc lão nho để đi tới sự khảo xét những chân lý học thuật của thời xưa. Bọn thanh niên tri thức thái độ các phương pháp mới càng ngày càng nhiều và họ đang mơ tưởng đem lại cho văn chương Việt-nam những tác phẩm mới mẻ và đặc biệt.

Trong những nghệ sĩ hiện tại được độc giả chú ý có một số thực tài. Nghệ thuật của họ chứng tỏ rằng tiếng Việt-nam có thể diễn được những tình cảm, tư tưởng tế nhị, và nếu ta chịu khó chau ròi nó thì một ngày kia nó sẽ trở nên một thứ tiếng đẹp đẽ và giàu mạnh.

Dần dần thoát ly ra khỏi những ảnh hưởng bó buộc của văn Tàu, văn chương Việt-nam trong khi biến hóa dưới ảnh hưởng những tư tưởng phóng khoáng và cách hành văn không câu nệ của Tây phương, đã dần dần đề phát triển những đức tính cố hữu của nó. Trong một tương lai mà ta mong là gần gụi một nền văn chương Việt-nam mới có giá trị sẽ lập thành, và ta mong nó sẽ làm danh-dự cho xứ sở Việt-nam.

DIỆU-ANH

VẤN ĐỀ MAY RỦI

NGÀY mồng một tung bồng đến, với tiếng pháo di-dùng, quanh đường cùng ngõ, với những quả đầy mứt bánh, bàn đầy rượu chè, thì chuyện may rủi cũng nảy nở như tràng pháo, như chuỗi cười, có kẻ tin ra ngõ gặp đàn ông thì may mắn, được công được việc, gặp đàn bà thì là một điều rủi, công việc sẽ hồng be bét. Hoặc giả có người bảo năm mơ thấy đám ma là điềm hay, trái lại thấy đám cưới là điềm dở, v. v. Đó cũng toàn là những điều phỏng đoán về tương lai, không có gì là xác thực, không lấy gì làm căn bản. Khoa-học ngày nay chưa có thể giải quyết những vấn đề ấy được. Khoa-học phải ghép những việc gặp gỡ hoặc điềm ứng ấy vào hạng việc xảy ra vì ngẫu nhiên, vì tình cờ.

Còn một hạng việc nữa ta cũng thường qui cho may rủi, tức là việc được thua ở sòng bạc. Lấy cuộc chơi rất thực ỉ hà mà nói, khoa-học một lần nữa phải nhận rằng được thua cũng là một sự tình cờ không thể đoán trước. Nói cho thật thì nên bảo rằng khoa-học chưa có thể đoán được, vì chưa nhận xét được tất cả các nguyên do. Thí dụ như xem một đám bài lá, biết làm thế nào mà nhìn kỹ được từng cử-động của mười ngón tay xóc bài và chia bài. Nói gì đến cuộc bài lá, ngay như một lối đồ sập ngựa bằng một đồng tiền cũng không thể mong biết được căn cứ những trường-hợp thế nào thì xoay ngựa xoay sập đồng tiền.

Nói đến một vấn đề nữa ta cũng rất nóng nảy muốn rõ, như là vấn đề đoán về tính cách trai hay gái của một cái thai mới kết, thì khoa-học cũng phải chịu trả lời rằng không biết và có lẽ không thể nào biết được, vì nhiều nguyên nhân quá, người ta không thể lường hết được.

Lại lấy thêm thí dụ nữa, có vẻ dễ hơn : ông là một người cao lớn, tầm thước, thể 1 thước 70 ; bà ở nhà cũng là một người sức vóc, tuy ngắn chùn đẹp đẽ. Ông và bà muốn có một có một cậu con trai và muốn biết trước về sau cậu có mạnh mẽ, to lớn theo lý tưởng người trai tráng bây giờ không. Hoặc ông bà toàn là người trí-thức, tài cao học rộng, thừa khiêu thông-minh, rộng đường xét đoán. Và ông bà muốn biết cậu con của ông bà sắp có năm này, về sau có nổi nghiệp to lớn, gây nên được một sự nghiệp vẻ vang rực rỡ về văn chương, về khoa-học chẳng ? Những vấn đề ấy tức là vấn đề di-truyền về thể-cách hoặc về tinh-thần, thì khoa-học cũng chưa giải được.

Một vài thí dụ như thế cũng đủ tỏ rằng tuy khoa-học đã tiến bộ khá xa, nhưng vẫn còn nhiều khuyết điểm. Những điều ta vừa nhắc trên đây, người ta

chưa thể đoán xét được. Vậy ta có thể nói rằng phạm những việc gì mà khoa-học chưa phỏng đoán trước được, vì nhiều nguyên nhân chi-chít lẫn lộn, thì ta cho rằng ngẫu nhiên, hoặc thuộc loại may rủi.

Thế thì đối với những việc ấy, khoa-học lẽ nào đành bó tay bịt mắt mà đợi nó xảy ra ư ? không, không thể nào như thế được.

Vì nếu ta xét kỹ những việc mà ta cho là ngẫu-nhĩn hay tình-cờ, thì ta sẽ thấy cũng không xảy ra một cách hỗn-độn, mà cũng theo một luật định, ta có thể gọi là « luật định thống-kê » là vì luật định ấy hình như chỉ thấy hiện rõ lúc ta đứng trông toàn thể, mà lu mờ và hình như mất hẳn lúc ta đứng về phương diện cá-nhân từng việc một. Thí dụ như vấn đề đồ bác : nếu đồ một bạn thì ta không biết chắc sẽ ra sập hay ngựa, trái lại nếu đồ chừng mười bạn thì ta lại biết chắc rằng thế nào cũng có sập và có ngựa. Về vấn đề thai, thì một thai ta không thể đoán trước được sẽ trai hay gái, nhưng nếu ta nghiệm mười thai thì ta cũng chắc rằng thế nào cũng có thai con trai và thai con gái.

Nói đến đây chắc không khỏi các ngài bảo rằng những điều vừa rồi là điều dĩ-nhiên, ai cũng biết thế, không cần phải có khoa-học. Tôi xin thưa khoa-học không phải là lời sấm, khoa-học chỉ là gom góp những điều ta nghiệm xét, gom góp và xếp đặt theo một quy-cử rõ ràng và bền chặt. Cho nên những điều rất thường-thức, rất dĩ-nhiên đi nữa, cũng chưa chắc là không lợi cho khoa-học.

Vậy thì những điều nhận xét trên đây, khoa học sẽ lập lại. Nhưng khoa-học sẽ đi xa được một bước nữa. Là nếu xét trong xã-hội hiện-thời, cứ 1000 trẻ con cùng sinh một loạt, có 550 trai và 450 gái chẳng hạn, thì khoa-học sẽ nói rằng cái thai của bà hiện giờ có 55 phần 100 chắc là con trai 45 phần trăm chắc là gái. Nói thế không phải là đùa con bà sinh sẽ có 55 phần trăm tính cách của con trai và 45 phần trăm tính cách của con gái. Nếu thế thì tai ác quá. Nó chỉ có nghĩa là nếu đầu năm này gặp 100 bà có thai, tôi đeo quẻ nói liệu rằng các bà sẽ đẻ con trai, thì thế nào cũng có được chừng 55 bà đúng và 45 bà sai. Đó là nói phỏng vậy, chứ từ trăm này đến trăm khác nó cũng sai lệch đôi chút, nhưng nếu được xét nghìn người, vạn người thì cái phần chắc lại hơn. Ấy thế cái định luật ấy chỉ có giá-trị lúc trông vào số đông.

Cũng như việc đồ bạc, nếu trông vào một ván thì không biết thế nào là sập, thế nào là ngựa. Nhưng nếu trông vào trăm ván, nghìn ván thì ta có thể nói rằng thế nào cũng độ 50 ván hoặc 500 ván sập, còn 50 hoặc 500 ván ngựa. Cổ nhiên là tôi nói đây về

đối với KHOA-HỌC

NGUY-NHƯ KONTUM

một cuộc sập ngựa mà ta đồ với một đồng tiền đều mặt không chênh lệch bên nào, nếu không thì đồ nhiều lần sẽ thấy mặt này ra nhiều hơn mặt kia. Lúc ấy thì phần chắc không đồng đều nữa, mà sẽ hơn về mặt thường ra. Vậy thì đối với một vấn đề như vấn đề này, khoa-học không làm gì hơn là xem xét rất nhiều lần, làm một bản thống-kê tất cả những lần xét nghiệm, rồi phân số xét ra hai phần, phần đúng theo một thuyết, và phần sai. Lấy số phần đúng chia cho số tổng cộng ra một phần số nhỏ hơn 1, tôi sẽ gọi là phần chắc.

Đó là một cách giải quyết vấn đề. Cũng có nhiều vấn đề khác, có thể giải mà không cần phải làm bản thống-kê : như vấn đề sau đây, lấy một bộ bài 32 lá, rút ra một lá thì có mấy phần chắc rằng lá ấy là lá tám cơ chẳng hạn. Cổ nhiên là 1 phần 32 (1/32). Nghĩa là nếu ta rút như vậy 3200 lần, mỗi lần xóc lại bài rất cần thận thì trung bình có chừng 100 lần rút ra là tám cơ. Nếu như cũng trong lúc ấy có người nói cho tôi hay rằng lá bài ấy không phải một lá hình, thì tôi lại biết hơn một tí, nghĩa là phần chắc thêm lên được 1/20 vì có 12 lá hình loại ra. Và nếu người ta cho tôi biết rằng lá bài ấy là một lá mười thì phần chắc lại thêm lên 1/4 vì trong bộ bài chỉ có 4 lá mười mà thôi.

Đại-đề cách lập luận là như thế : lúc thì phân tách những điều xem xét, lúc thì phán đoán những cơ có thể xảy ra, khi dựa theo thí nghiệm, khi y hẩn vào trí xét đoán. Tôi chỉ nói qua vài vấn đề để giải nhất, còn nhiều câu hỏi phức-tạp hơn nhiều, mà cách giải-quyết cũng khó khăn hơn. Có cả một môn toán-học chuyên riêng về những vấn đề ấy, tức là môn cái-nhiên toán-pháp. Môn ấy hiện nay rất phong phú vì về thời cận-đại, người ta đã thấy rõ ích lớn của môn ấy giúp cho ta giải-quyết những vấn đề thuộc xã-hội-học hoặc sinh-lý-học là hai khoa-học khó nhất vì chưa có cách gì phân-tích được những hiện-tượng xảy ra. Phạm một việc gì dù khó khăn đến đâu, rồi ren đến đâu người ta cũng có thể giải-thích được, nếu ta có thể phân chia sự khó ra giải dần dần. Nhưng về sinh-lý-học và xã-hội-học thì không thể làm như thế được, vì các bộ phận mặt-thiết nhau quá, những ảnh-hưởng của bộ phận này đối với bộ phận khác rất sâu xa, thành thử muốn tách riêng một việc gì, thì làm mất hẳn tính-cách xã-hội hoặc tính-cách sinh-hoạt của nó.

Vì thế mà gần một trăm năm nay, các xir tăn tới đã chú-trọng đến các bản thống-kê thuộc về tất cả những vấn đề dân-sinh, nào thống-kê sinh-sản, so theo tuổi cha mẹ, nào thống-kê số người chết, đo

với tuổi người bạc mệnh, nghề nghiệp của họ, hoặc các nguyên-nhân bệnh tật, văn văn. Cổ nhiên là những bản thống-kê ấy, dù có đầy đủ đến đâu cũng không thể cho ta biết được một gia-đình nào mà ta đề ý sẽ có mấy con, hoặc một người nào mà ta quuyến luyến sẽ sống được bao nhiêu tuổi. Những bản thống kê ấy nó chỉ sẽ cho ta biết rằng trong một trăm gia-đình thí-dụ có năm mươi gia-đình trên bốn con. Hoặc trong một trăm người An-nam có bảy mươi người sống trên năm mươi tuổi. Những câu giải-quyết như thế, nếu nó không ích cho riêng một mình ta, thì nó cũng có ích cho những kẻ, mà vì một lẽ gì, phải trông vào số đông. Nói dẫu cho xa, ngay các hãng bảo hiểm nhân mệnh chính đã nhờ cái-nhiên toán pháp mới thịnh-hành được như ngày nay. Mà không những chỉ bảo hiểm về nhân mệnh mà thôi, tất cả các thứ bảo-hiêm thủy đều dựa vào phương pháp cái-thiên toán-pháp để tính lường phân số phải đóng, và thế lệ góp vẩn vẩn.

Hơn nữa, so sánh những bản thống-kê như thế, khoa-học cũng có thể tiến-bộ được một cách nhanh chóng hơn. Thí dụ như so số người chết ở trong một vùng nào, và số tiểu thụ rượu ty trong vùng ấy, mà thấy hai tỷ số cứ đều đều tăng sụt theo nhau song song, ta có thể nói rượu hại cho nhân-mệnh là thế nào, giảm thọ mất bao nhiêu năm. Tuy nhiên cũng không nên tin quá độ vào mấy con số ấy, và luôn luôn nhớ rằng người ta phải dùng trí phán đoán mà xem xét tình số, chứ không phải dùng tính số mà áp bức trí phán-đoán.

Cũng như về sinh-lý-học, người ta đã xét phạm một giống người nào, thì có một tầm thước trung-bình, số người hơn hoặc kém trung-bình cứ thừa dần, người kém hoặc hơn ít thì nhiều, mà người hơn kém quá thì ít. Vậy cho nên phạm cha mẹ mà cách diem trung-bình nhiều quá, hoặc kém sút nhiều, hoặc thái quá thì con cũng đều khác hẳn cha mẹ, hoặc cao lớn hơn cha mẹ, hoặc bé thấp hơn cha mẹ, đi gần lại cái diem trung bình của nòi giống. Thành thử cha mẹ lớn lắm ít khi có con lớn, mà cha mẹ đều nhỏ cả thì cũng ít khi có con bé nhỏ. Nhưng cái luật ấy cũng không hẳn là hai cha mẹ lớn nào cũng không đẻ được con lớn.

Không những thế, chính các khoa như vật lý-học, hóa-học hoặc toán-pháp là những khoa-học rất thuần-lúng, có định luật rất rõ ràng, rất cương trực, mà phải giải bằng phương pháp của khoa cái-nhiên. Xem thế đủ rõ rằng khoa-học ấy càng ngày càng bành-trướng, về sau có lẽ người nào cũng phải hiểu biết ít nhiều, như hiện nay ai cũng phải biết làm bốn phép tính. <https://tieulun.hopto.org>

M ù a x u â n t r o n g t h o' D u'ò'ng

MÙA xuân là một nguồn cảm-hứng quan-trọng của thi-gia đời Đường—Xong thật ra thì không có một bài thơ nào chuyên tả riêng cảnh-xuân hay tình-xuân một cách kỹ lưỡng như văn của thi-sĩ Thái-Tây hay thi sĩ Đông-phương hiện thời—Có lẽ cũng bởi quan-niệm khác của một thể hệ một chủng-tộc vụ sự đơn-giản và kín đáo, đơn-giản như bức-tranh thủy-mạc,

kín-đáo như đoá hoa mới nở.

Kề đơn giản, thì thật vô cùng đơn giản—Tả một buổi sáng mùa xuân, thi-sĩ chỉ dùng hai câu mười sáu chữ: (Sâm Sâm 岑參).

Kê minh tử mạch thực quang hàn

雞鳴紫陌曙光寒

Oanh chuyền hoàng-châu xuân sắc lan

鶯嚶皇州春色闌

Dịch nghĩa:

Gà gáy nơi Tử-Mạch ánh bình minh lạnh

Oanh hót chốn hoàng châu sắc mùa xuân lan

Cách tả cảnh tuy đơn sơ, nhưng hai câu thơ rất rời rạc cảm-giác: về thanh có gà kêu, oanh hót, về sắc thì màu trời xuân xanh lợt và ánh buổi sáng u huyền, chữ lạnh gợi cho ta cái cảm-giác đứng trong sương, và chữ lan vì mùa xuân với một làn nước hay làn hơi cứ dần dần đuổi cái bóng tối ban đêm mà nhuộm giờ đất một màu mới mẻ.

Cũng trong một bài thơ ấy, Sâm-Sâm tả cảnh sân nhà vua trong một buổi chiều xuân:

Hoa nghênh kiếm bội tinh sơ lạc

花迎劍珥星初落

Liễu phát tinh kỳ tị vị can

柳拂旌旗露未乾

Dịch nghĩa:

Hoa chào kiếm-bội (khi) sao vừa lặn

Liễu phát tinh-kỳ (lúc) sương chưa ráo

Hoa, Liễu là xuân, kiếm bội tinh kỳ là cảnh triều-đình, sao vừa lặn sương chưa ráo là cảnh bình-minh. Rằng đơn sơ thì thật đơn sơ, nhưng ý rất đầy đủ. Mà cảnh còn linh động nữa là khác: chữ chào, chữ phát đã luyện cho hoa, liễu một tâm hồn, một cảm-giác, khiến vật vô tri mà luống cũng chung-tình! Hoa như vui đùa với kiếm-bội, liễu như nghịch ngợm với tinh-kỳ! mà sao vừa lặn dường như nhường chỗ cho hoa, mà sương chưa ráo còn muốn đánh ghen với liễu. Cũng một lối tả ấy, Tiền khởi 錢起 đề lại cho ta một bức tranh xuân:

Nhị nguyệt hoàng ly phi thượng lâm

二月黃鸝飛上林

Xuân thanh tử cảm hiều âm âm

春城紫禁曉陰陰

Trường-Lạc chung thanh hoa ngoại tận

長樂鐘聲花外盡

Long-tri liễu sắc vũ trung thâm

龍池柳色雨中深

Dịch nghĩa:

Thang hai, ly vàng bay trên rừng

Thành xuân cung tía, ánh râm râm

Chuông lầu Trường Lạc, ngoại hoa ngắt tiếng

Liễu hồ Long-Tri, trong mưa thêm xanh

Thần bút ở mấy chữ « chung thanh hoa ngoại tận, liễu sắc vũ trung thâm ».

Trong hoa chuông luống ngập ngừng

Ngoài mưa sắc liễu từng bừng thêm tươi

Là vì hoa xuân như muốn ôm ấp lấy tiếng chuông, mà mưa xuân như muốn trau chuốt cho sắc liễu.

Trên là cảnh xuân nơi đế đô, dưới đây xin treo vài bức tranh xuân nơi thôn dã.

Canh thâm nguyệt sắc bán nhân gia

更深月色半人家

Bắc-dầu lan can Nam-dầu tà

北斗闌干南斗斜

Kim nhật thiên tri xuân khí noãn

今日偏知春氣暖

Trùng thanh tân thẩu lục song sa

蟲聲新透綠窗紗

Lưu Phương Bình 劉方平

Dịch nghĩa:

Canh khuya sắc giăng (in) nửa mái nhà

Sao Bắc-dầu (còn ở) lan can, sao Nam-dầu xế

Hôm nay mới biết khi xuân ấm

Tiếng dế mới thẩu qua màn cửa sổ xanh

Cũng như những cảnh trên, cảnh này rất đơn sơ. Nhưng đặc sắc của nó là hình sắc và

cảm-giác tả trong cảnh rất rõ ràng, rõ ràng như gương trắng trong trẻo, treo ở giữa bầu trời không chút gợn mây. Mà rõ ràng cũng bởi đêm khuya. Vì đêm khuya nên giảng chỉ soi nửa mái nhà và sao thì xế, vì đêm khuya mà tinh thần sáng suốt cảm thấy hơi ấm mùa xuân, vì đêm khuya mà cảnh vật yên tĩnh mới nghe thấy tiếng dế kêu qua cửa sổ.

Trái với cảnh đêm giảng « minh bạch » ấy, cảnh dưới này là một cảnh ban ngày mà lại huyền u :

Ẩn ẩn phi kiều cách dạ yên

隱隱飛橋隔野烟

Thạch cơ tây bặt vẫn ngư thuyền

石磯西畔問漁船

Đào hoa nhật tận tùy lưu thủy

桃花日盡隨流水

Động tại thanh Khê hà xứ biên

洞在清溪何處邊

Trương Húc 張旭

Dịch nghĩa :

Mờ mờ gập cầu cách khói đồng

Phía tây, ghềnh đá, hỏi ngư ông

Hoa đào xuất ngày trôi theo nước

Trên bờ khe xanh động ở phía nào ?

Cảnh xuân này, không những cách xa nơi thành-thị để đô, mà lại còn khác cả màu phàm-tục :

Một giòng nước chảy

Hai bên hoa đào

Khói mây nổi gập cầu cao

Hỏi thăm Ngư-phủ đâu nào Thiên thai

..

Thơ riêng tả cảnh như những bài trên này rất ít, vì thi-sĩ đời Đường hay thấy cảnh súc tình.

Trước cảnh xuân có hai thứ cảm xúc : hoặc vui, hoặc buồn. Nhưng dầu vui, dầu buồn, cảm-súc của thi-nhân bao giờ cũng kín đáo.

Cảm-súc êm ái như trong bài Đông giao 東郊 của Vi Ưng Vật 韋應物 :

Lại xá cục chung niên

吏舍跼終年

Xuất khoách khoáng thanh thự

出郭曠清曙

Dương liễu tán hòa phong

楊柳散和風

Thanh sơn đạm ngô lữ

青山澹吾慮

Dịch nghĩa :

Nhà công mõi suốt năm

Ra đồng hấp ánh sáng trong

Dương liễu chia gió ấm

Núi xanh giải nỗi lo

Cách thưởng xuân ấy có khác chi cách của nhiều bạn thanh niên bây giờ dùng ngày nghỉ xa nơi thành thị để khuấy khuấy tinh thần và thao luyện thân thể.

Nhưng cũng có bạn lại ưa lối khác : được ngày nghỉ tiết xuân cuộn tròn trong chăn, lắng tai nghe những tiếng ngoài phố mà trầm ngâm thưởng thức cái hơi ấm trong đường. Các bạn ấy nếu được đọc bài thơ sau đây thì có lẽ càng thấy cách thưởng xuân ấy thú vị :

Xuân miên bất giác hieu

春眠不覺曉

Xử xử vẫn đề điều

處處聞啼鳥

Dạ lai phong vũ thanh

夜來風雨聲

Hoa lạc tri đa thiều

花落知多少

Dịch nghĩa :

Giấc ngủ xuân (say) không biết giờ sáng

Bốn bề nghe tiếng chim

Tiếng gió mưa đêm qua

Hoa rụng không biết nhiều ít

Lại có một cách thưởng xuân nữa, là đèn đuốc linh đình trong nhà để vui cờ bài bay yến tiệc cách ấy Hàn Dũ tả trong bài Hàn-hực :

Xuân thành vô xứ bất phi hoa

春城無處不飛花

Hàn thực đông phong ngự liễu tà

寒食東風御柳斜

Nhật mộ Hàn cung chuyên lập chúa

日暮漢宮傳蠟燭

Khinh yên tán nhập ngũ hầu gia

輕煙散入五侯家

Dịch nghĩa :

Thành xuân không có nơi nào là không có
hoa bay

Buổi hàn-thực (tháng ba) gió xuân chống
cây liễu ngã

Giờ chiều trong Hàn cung nổi sập thấp

Khói nhẹ (ơng vừa) bay khắp nhà ngũ hầu.

Xuân đến khoan thai vui vẻ như thế đã đành, nhưng cũng nhiều khi, xuân mang lại cho thi-gia những cảm-súc buồn rầu.

Nhưng buồn rầu kín đáo. Tuyệt mực thì cũng chỉ là một tiếng thở dài hay một hàng lệ gạt chứ không bao giờ có những giọng ai oán hay tiếng kêu gào.

Xuân đến, cảnh vật vui, xui nhiều người
ôm ấp một mối riêng càng thêm khổ : kẻ nhớ
bạn, nhớ quê hương, hay nhớ người xưa oanh
liệt mà tủi phận mình chưa xong nợ nam-nhĩ.

Nhớ chồng có bài của Kim xương tự, 金昌緒
xuân oán 春怨:

Đả khởi hoàng oanh nhi
打起黃鶯兒
Mạc giao chi thượng đề
莫教枝上啼
Đề thời kinh thiếp mộng
啼時驚妾夢
Bất đắc đáo Tây
不得到西

Dịch nghĩa :

Đuổi con hoàng oanh đi
Không cho hót trên cành
Hót làm thiếp tỉnh mộng
Không sang được Liêu Tê (dề theo chồng)
Trong mộng thiếu phụ thấy được sang đất
Liêu Tê là nơi chồng ở. Thế mà con hoàng
oanh lại oái oăm làm nàng tỉnh giấc, giấc
mộng hóa không thành. Lòng nhớ chồng thật
là kín đáo, nhưng cũng thật là nồng nàn :
nồng nàn đến nỗi tỉnh nhớ mà mê cũng nhớ.

Chém cha cái chiếc oanh vàng
Giấc mơ cắt đứt, thiếp chàng đôi nơi
Cũng ngụ cảm súc nhớ chồng trước cảnh
xuân, Lý Bạch 李白 có viết bài xuân tứ 春思.

Yên thảo như bích ty
燕草如碧絲
Tàn tang đề lục chi
秦桑低綠枝
Đương quán hoài quy nhật
當君懷歸日
Thị thiếp đoạn trường thì
是妾斷腸時
Xuân phong bất tương thức
春風不相識
Hà sự nhập la vi
何事入羅帏

Dịch nghĩa :

Cỏ Yên như tơ xanh
Dâu Tần ngã cành xanh
Đương khi chàng mang ngày về
Thì thiếp (ở nhà) đau lòng
Gió xuân có biết (nỗi lòng) dâu
Mà sao lại vào (trêu) trong màn
Trước cảnh xuân nhớ quê hương :

Khách lộ thanh sơn hạ
客路青山下
Hành châu lục thủy tiền
行舟綠水前

Triều bình lưỡng ngạn ngoạn
潮平兩岸闊
Phong chính nhất phàm huyền
風正一帆懸
Hải nhật sinh tàn gia
海日生殘夜
Giang xuân nhập cựu niên
江春入舊年
Hương thư hà xứ đạt
鄉書何處達
Quy nhạn Lạc-Dương biên
歸雁洛陽邊

Dịch nghĩa :

Đường quan dưới núi xanh
Thuyền đi trên nước xanh
Thủy triều xuống, hai bờ rộng
Gió im, chiếc buồm treo
Đêm tàn mặt trời mọc trên mặt bể
Năm qua mùa xuân tới lòng sông
Thư về quê biết gửi ai
(Gửi) Nhạn về Lạc Dương !

Vương Loan 王綽

Cảnh xuân còn gieo cho thi-gia nhiều mối
thương-tâm khác. Đỗ-phủ, đứng trước cảnh
xuân than thời chinh chiến bằng mấy câu :

Quốc phá sơn hà tại
國破山河在
Thành xuân thảo mộc thâm
城春草木深
Cảm thời hoa tiền lệ
感時花濺淚
Hận biệt điều kinh tâm
恨別鳥驚心

Dịch nghĩa :

Nước vỡ sơn hà còn
Thành xuân cây cỏ xanh
Cảm động hoa rơi lệ
Đau đớn chim chạnh lòng.

Mấy câu tuy giản dị nhưng đầy biết bao
nhiều nỗi thống khổ : khổ đến hoa rơi lệ và
chim chạnh lòng.

Nhưng thống khổ mà vẫn chưa chán hi-
vọng :

Còn xuân cây cỏ còn xanh
Sơn hà còn đó trị-bình có khi

...

Trong bài này phân biệt cảnh với tình,
nhưng cứ xem đoạn thứ hai đủ biết sự phân
biệt đó không có gì là nhất định. Thực ra
trong thơ Đường cảnh với tình liên lạc rất
mật thiết : vì cảnh rất đơn-sơ, vậy phải có
tình làm linh-động ; và tình rất kín-đáo phải
có cảnh mới phát triển được. PHAN ANH

TẠP BÚT

NGUYỄN LƯƠNG-NGỌC

RẤT nhiều sách, nhiều thuyết bàn về thời-gian. Có thuyết tin thời-gian có thực ; có thuyết cho thời-gian chỉ là một ảo-tượng ; có thuyết sống thời-gian với không-gian.

Nhưng về câu chuyện tư-tưởng, đọc sách chỉ mong biết người khác nghĩ làm sao tới, được quan-niệm, thấu được lý thuyết của người. Tự mình phải tìm tòi vẫn là phần chính của người mê sách. Vậy thử gặt sách vở ra một bên, mình đối với mình, bình yên và lặng lẽ, ta thử tự hỏi xem thời-gian có không, và thời-gian là gì ?

Không nghĩ, tất ai cũng trả lời rằng thời-gian có. Có ngày đêm, có thời-tiết, có trẻ già, có sống chết, thế tất có thời giờ. Thời giờ vẫn thiên-di, vẫn trôi chảy.

Song suy kỹ, những cơ đó chừng thực trong vũ-trụ có sự luân chuyển không ngừng, chứ không nhất định chỉ có thời giờ luân chuyển.

Mặt trời dừng yên, quả đất xoay tròn, sinh ra ngày đêm. Nhưng nếu trái đất không xoay nữa, ngày đêm sẽ thấy hay không ? Mặt trời nằm giữa, địa-cầu diễn chung quanh mà gây nên thời-tiết. Nhưng nếu địa-cầu không chuyển vận thì có mùa có tiết hay không ? Máu lưu thông đem các chất ăn cho tế-bào thì các cơ-thể mới sống, mới lớn được. Nhưng nếu máu ngừng chảy, các tế-bào thôi làm việc thì sự sống có không và vì thế có không sự chết ?

Tóm lại sự luân chuyển của mọi vật trong giới đất xui ta cảm thấy có thời giờ. Nếu ta tưởng-tượng — ta có quyền tưởng-tượng như thế — tất cả mọi sự trong vũ-trụ cùng không cử động một lúc thì liệu thời giờ sẽ được hiểu thế nào ?

Đã có người trả lời : thời giờ toán-học, thời giờ trừu-tượng thì không còn, nhưng thời-gian tâm lý vẫn có. Ta thử định nghĩa cho chữ thời-gian tâm lý. Theo nhà triết-học, thời-gian tâm-lý là những tư-tưởng, những cảm-giác ta mang trong óc, trong tủy, đậm hay mờ. Ngày giờ trôi đều đặn, đúng kỳ đúng nhịp. Thời-gian tâm-lý đi, khi mau khi chậm, không quãng nào có thể

giống quãng nào. Thế thì thời-gian tâm-lý cũng do sự sinh-hoạt, sự cử-dộng của các tế-bào mới có. Vì bằng mọi cơ thể trong thân người cùng dừng việc lại, thì thời-gian tâm-lý cũng không còn.

Lại có nhà triết-học bàn nên ghép thời-gian với không-gian, lấy lý rằng thời giờ có đổi thay khi người ta nhìn hai cái lịch xa gần, và khi người ta chuyển vận trong không-gian. Như thế thì hẳn nhiên thuyết này đã thấy thời-giờ liên lạc mật thiết với sự thiên-di.

Cũng có nhà học-giả, ngoài thời-giờ toán-học nhận thấy thêm một thời-gian vô hình ; loài người không biết đo, biết đếm, nhưng nó vẫn lạnh lùng chảy, nó là một lý tính của tạo vật màu nhiệm. Thiết nghĩ hay đó cũng chỉ là một ức đoán dựa vào một giả thuyết chăng ?

Hoặc thời-gian chỉ là một ảo-tượng do sự vận chuyển mà nên ? Như bắt một người ngồi suốt đời trong toa xe hỏa chạy không ngừng, nhìn ra hàng cây bên đường chắc tưởng bao giờ cây cũng vùn vụt trôi xuôi. Nhắm mắt lại vẫn thấy cây trôi. Ngắm nghĩ đến là thấy cây trôi. Nhưng nếu xe hỏa bỗng dừng, tất nhận ra chẳng qua đây chỉ là một ảo-tượng.

Dù sao thời-gian vẫn là siêu lý ta thường cảm thấy mà một không thường hiểu biết. Đó là một công trình thông minh của thức-giác, một biểu-tượng tế-nhị của sự sống chảy trôi, hay chỉ là một ngọn gió rộng thăm qua các không-gian ?

(1940)

NGUYỄN-LƯƠNG-NGỌC

Bạn Đỗ-đức-Thu, tác giả truyện ĐƯA CON phải đi làm việc tại Fort-Bayard (Kouang-tchéou wan). Bài nói về truyện Đưa Con bạn gửi về không kịp đăng trong số này. Xin các bạn đọc lượng thứ.

Cô Lan ngày hôm nay đi chia giàu cau « ăn hỏi » của em gái, cô Cúc.

— Cô dâu nhanh, nhẹn quá, lại đi chia giàu cau lấy.

Có người không hiểu tưởng là cô Lan sắp lấy chồng.

— Thưa không ạ. Đây là giàu cau vấn danh của em Cúc nó đấy ạ.

Còn những người khác thì ai cũng hỏi.

— Thế còn cô chị, bao giờ cho chúng tôi ăn giàu đấy.

— Thưa là còn lâu lắm ạ.

Cô Lan vừa nói vừa đẩy vội nắp quả đầy những gói chè, gói mứt bọc giấy bóng đỏ, và những chùm cau xanh. Rồi cô chào và vội vàng đi ra lên xe; thẳng xe bùng quả mang ra để ở dưới chân xe. Cô Lan còn phải đi biểu nhiều nhà nữa. Tất cả những ngót một trăm nhà ở trong tỉnh. Cô đã nhắc không biết bao nhiêu lần.

— Thưa bà còn lâu lắm ạ.

Lần đầu tiên cô còn hơi thẹn và lúc ra lên xe, cô đi lững thững, hơi buồn. Nhưng về sau cô biết là còn phải đi nhiều nhà nên không nghĩ gì nữa, cô vội vàng trả lời và vội vàng đi. Ở nhà cuối cùng ra, giờ đã sâm sâm tối, thẳng xe chạy đã mệt, kéo uể-oải bước một. Cô Lan ngồi trên xe về nhàn hạ. Một chút buồn lẫn vào hồn cô như bóng chiều tối lan vào trong mắt.

Tám năm về trước, cô cũng đi chia giàu cau như hôm nay cho một người chị họ.

Hồi ấy cô còn bé, mới 15 tuổi, hãy còn cặp tóc. Cô đòi đi và cô sung sướng khi được nhặt những gói mứt gói chè ở trong quả biếu. Cô thích đi vì tuy còn bé trong tri cô cũng đã nghĩ đến ngày cô đi lấy chồng, ngày ấy có người khác đi chia giàu cau của cô, cô không được đi nữa, người chị họ cô năm ấy 18 tuổi, cô Lan tưởng hình cô cũng sắp đến, nhất là từ khi cô thôi không cặp tóc nữa, năm cô 17 tuổi; nhưng năm nay cô đã 23 tuổi rồi, tám năm qua, bây giờ cô lại đi chia giàu cau hộ. Tám năm trống không, cô nhớ lại trong một lát.

Lan với Cúc là hai con gái đầu lòng của ông bà Phán-Ngọc. Lan và Cúc còn một người em gái và hai người em trai nữa nhưng hãy còn nhỏ cả.

Bà Phán-Ngọc có hai con gái lớn giúp được nhiều việc cho bà trong nhà nên bà cũng nhàn hạ đôi chút. Nhưng thỉnh-thoảng bà cũng băn khoăn khi nghĩ đến chuyện gả chồng cho con. Cúc thì hãy còn ít tuổi, nhưng Lan đã ngoài 20



tuổi rồi mà chưa có ai hỏi cả. Bà cũng hơi sốt ruột. Những buổi tối, khi các con đã đi ngủ cả rồi. Bà Ngọc thường ngồi nói chuyện rất lâu với chồng.

— Con Cúc thì hãy còn bé, mà nó cũng sinh. Nhưng con Lan! Đầu có đi thì đuôi mới lọt chứ.

Cả hai vợ chồng đều lo và nghĩ thế.

Lan cũng nghĩ như vậy, từ lâu rồi. Lan đợi đã

lâu rồi, và hình như đã quên không đợi nữa; nhất là từ khi Cúc bắt đầu nhớn lên. Cúc đã thành một người bạn rất thân của Lan. Lan và Cúc không lúc nào rời nhau, như hình với bóng. Tình âu yếm, vui vẻ của Cúc đã làm cho Lan quên sầu riêng của nàng. Hai chị em không hay đi chơi mấy, cả ngày chỉ quanh quẩn ở trong nhà vì hai chị em chuyện trò với nhau cũng đủ rồi. Nếu có một người bạn thì người ấy là bạn chung của cả Lan và Cúc. Hai chị em không có bạn riêng và không có tư tưởng gì riêng nữa.

Nhưng ít lâu nay Lan nhận thấy Cúc dậy thì đẹp hẳn lên và từ ngày ấy Lan thấy hình như em thay đổi một chút trong lòng nàng. Có nhiều lần Lan nhìn trộm Cúc khi Cúc đứng cạnh nàng và thỉnh thoảng Lan lại soi gương tuy không phải lúc nàng trang điểm.

Đã từ lâu không ai nói đến sắc của Lan nữa, Lan cũng biết thế, Lan cũng nhẫn nại buồn. Nhưng bây giờ Cúc dậy thì đẹp hơn hẳn, có người bảo Cúc đẹp và trắng như « đầm ». Lan mới lại nghĩ đến nàng và nàng rất mình khi soi gương. Nghĩ đến Cúc, Lan thấy nàng xấu và già hẳn đi. Nhìn trong gương Lan thấy đôi gò má nàng nhô lên một ít. Lan nhớ nàng đã 21 tuổi rồi. Từ năm ngoái nàng đã 20 tuổi. Tết năm ngoái, ngày đầu tiên Lan 20 tuổi, Lan chưa bao giờ thấy lòng ngao ngán như hôm ấy. Bao nhiêu nỗi buồn rầu tan tác, tiềm tàng trong những ngày tháng của Lan hôm ấy đã kết lại thành một khối nặng trong lòng nàng. 20 tuổi! Lan nói thầm và nàng thở một cái dài. Lan không cần soi gương, không cần nhìn mặt, nàng đã 20 tuổi, thế là đủ cho nàng già rồi. Già từ trong lòng.

Năm 21 tuổi có người đến dạm hỏi Cúc. Lần này là lần đầu tiên có người đến hỏi con gái ông bà Phán-Ngọc. Lan cũng đã biết là người ta không hỏi nàng. Người ta dạm hỏi Cúc cho người học trò mới đỗ thư ký tòa sứ. Ông bà Phán-Ngọc nhận lời nhưng bảo Cúc hãy còn ít tuổi, một vài năm nữa mới cho cưới. Cúc đã 17 tuổi rồi, cũng không bé nữa, nhưng ý ông bà Phán-Ngọc là muốn đợi gả chồng cho Lan đã.

Lần đầu tiên khi Cúc được tin có người hỏi nàng thì nàng then và nhất định bảo bố mẹ rằng nàng không lấy chồng vội.

— Bao giờ chị Lan lấy chồng đã.

Cúc cũng không biết bao giờ Lan sẽ lấy chồng, nhưng nàng chỉ biết viện lẽ ấy ra để từ chối.

Từ ngày ấy thỉnh thoảng lại có người chế riếu Cúc vì nàng sắp lấy chồng. Nếu có Lan ở đây thì nàng cũng riếu Cúc thêm.

— Nay mai đã bà Phán rồi.

Lan cười. Cúc thì đánh vào vai chị.

— Khéo! chị này.

Nhưng khi chỉ có Lan và Cúc thôi thì hai chị em không ai nói đến chuyện ấy cả, hay là bàn điều gì về chuyện chồng con.

Hai năm qua. Lan vẫn đợi không. Ông bà Phán-Ngọc cũng thôi không đợi nữa. Lộc, người hỏi Cúc vừa được thực thụ thư ký Bố mẹ Lộc đến nói với ông bà Phán-Ngọc xin cho cưới Cúc. Ông bà Phán-Ngọc nhận nhời.

Sửa soạn từ một tháng trước. Cúc đi sắm với Lan. Vào hàng tơ lụa, vào hàng kim hoàn. Cúc chọn tỉ mỉ và lâu lắm. Cúc hỏi luôn chị:

— Hàng này có đẹp không chị?

— Màu này có tươi không chị?

Lan cũng muốn nhận kỹ xem hàng ấy có đẹp không, màu ấy có tươi không, nhưng nàng không nhất định được. Nàng thấy màu này cũng tươi, màu kia cũng tươi, hàng này cũng đẹp hàng kia cũng đẹp. Một lần Cúc đang chọn hàng quay lại hỏi chị thì thấy Lan đang lơ đãng nhìn ra ngoài đường. Cúc cảm thấy chị buồn. Nàng cũng không chọn kỹ nữa, mua vội vàng cho xong.

Cúc cũng không vội lấy chồng. Giá nàng đợi nữa cũng được. Cúc 19 tuổi rồi nhưng nàng ngây thơ và đẹp nên không nghĩ gì đến ngày tháng. Nhưng ông bà Phán-Ngọc muốn cho cưới nàng. Nàng cũng ưng Lộc đã đến chơi hầu chuyện ông Phán-Ngọc. Mấy bạn Cúc thấy Lộc người cũng khá và ăn nói cũng lễ phép. Có một lần trước khi Cúc nhận lời nhất định với bố mẹ, nàng có hỏi Lan:

— Chị trông thời thế nào?

Cúc muốn hỏi ý kiến của chị. Nàng tin Lan hơn là tin bố mẹ, và nàng cảm thấy rằng khi nàng lấy chồng nàng sẽ nhớ Lan hơn là nhớ bố mẹ. Cúc biết là Cúc lấy chồng thì Lan sẽ buồn hơn hết. Nàng muốn tùy ý Lan hơn là theo ý bố mẹ.

Lan cũng thấy Lộc dễ ưa. Nhưng nếu Lộc đừng hỏi Cúc thì có lẽ nàng bằng lòng hơn. Cúc cũng nhận thấy Lan không sốt sắng tán thành việc hôn nhân của nàng lắm. Cúc hơi buồn vì Cúc yêu Lan. Giá nàng hoãn được việc cưới xin thì nàng cũng bằng lòng.

Trong nhà tấp nập sửa soạn việc cưới, nhưng chỉ có mấy người em nhỏ của Lan và Cúc là vui xướng hồn nhiên. Còn không ai vui hẳn cả.

■

Ngày cưới sắp đến. Ai cũng bận-bịu. Ông bà Phán-Ngọc không nghĩ gì đến thương Lan nữa. Lan cũng quên cả buồn, hay là nàng cũng đã dấu hết buồn của nàng rồi. Cúc thì còn bận nghĩ đến nàng nhiều quá nên không nghĩ được đến ai, cả đến Lan nữa, mà Cúc lại còn bực mình vì phải mắng luôn. Cúc chậm một chút, vụng một chút là bà Phán-Ngọc mắng ngay.

— Nay mai về nhà người ta mà vụng về như thế thì bố mẹ lại tởn nghe chứ.

— Gớm! mẹ cứ nói.

Cúc ra về không bằng lòng nhưng Lan lại thấy những lời mắng đó là âu yếm và vui thích. Nhưng bà Phán-Ngọc không phải mắng gì Lan cả vì nàng làm được nhiều việc lắm mà lại khéo nữa. Lan luôn luôn cặm cùi ở dưới bếp để ăn cỗ. Cỗ ăn hai ngày, nhưng phải sửa soạn từ hai hôm trước. Lan làm từ sáng đến tối, một ngày mấy lần đi mua những thứ cần dùng không bao giờ đủ. Mỗi khi đi Lan chỉ quần vội mở tóc không trang điểm gì cả.

Bà Phán-Ngọc đã giao cho Lan trông nom việc cỗ bàn. Cúc cũng làm giúp Lan nhưng thỉnh thoảng nàng lại chạy lên thử một cái áo, một đôi giày, hay xem một thứ đồ người ta mừng, nên cũng không giúp gì được Lan mấy. Lan làm cả ngày, cả tối đến hơn nửa đêm mới đi ngủ. Một quá, Lan ngủ thiếp đi, không nghĩ ngợi gì cả. Hôm sau, mới năm giờ sáng bà Phán-Ngọc đã gọi nàng dậy rồi.

■

Cỗ bàn ăn uống đã xong từ tối hôm trước. Tối hôm nay Lan không bận nữa. Ngày mai đón dâu. Đêm nay là đêm cuối cùng Lan ngủ với Cúc. Hai chị em vẫn yễm ở cái buồng ngoài trên gác. Từ mấy hôm nay cái buồng này đã có vẻ «buồng cô dâu.» Năm bảy chiếc áo mới các thứ màu cheo đầy ở mắc áo, hai cái hòm khóa chuông sơn đen để ở góc buồng. Một chiếc chăn bông bọc gấm vàng một chiếc màn the hồng gấp để trồng lên nhau trên một chiếc bàn. Trên bàn phấn bày la liệt bao nhiêu lọ nước hoa, bao nhiêu hộp phấn. Khi Lan lên nàng thấy Cúc đang giải một chiếc áo mới trên giường để gấp.

— Chị gấp hộ em mấy chiếc áo kia.

Cúc đã để riêng cái áo ngày mai mặc lúc về nhà chồng, còn những áo khác nàng gấp để bỏ hòm. Lan gấp áo hộ cho Cúc. Dá Cúc không nhờ thì Lan cũng tự nhiên gấp hộ. Thỉnh thoảng Cúc lại nói một câu khen hay chê màu áo hàng áo của nàng. Gấp xong áo bỏ hòm, Cúc ra xếp những lọ nước hoa và những hộp phấn.

— Em để lại một ít để chị dùng đây này.

Cúc để riêng ra một bên vài lọ nước hoa và vài hộp phấn.

(Xem tiếp trang 25)

GIỌT SƯƠNG HOA

Tặng một người bạn

SAO phải - khi vì - vương, khỏi cần trình với chúng-nhân; nhan-sắc chỉ hiện ra, là thống ngự? Xạ hương không muốn thoát cung tiền; người trong mơ khi về trần, thăng có vương mùi thơm lạ...Hãy vớt trên đôi má, những hồn hoa.

Sao phải giáng-minh, khi chưa ai hiểu được lòng mình, chưa bao giờ, hẳn không bao giờ hiểu được lòng ta? Khi đầy phải vội, đậm rồi nhòa... Cành châu rủ lệ trên tay, non sưng tan mù nắng chớm. Hãy nhóm ngọn trầm-lư, trên điệu cảm.

Sao phải phân-tích, khi chỉ là ý-tình phảng-phất? Có nên không, khi là cái gì e dè, cái gì thuần-nhất? Sao phải đón đưa, khi đèn Thơ kín nẻo, bến Ngọc không thuyền? Có thể không, mắt mỗi thấy màu tươi, giây sồn lên tiếng mới? Hãy vào trong cấm điện, trước bệ thờ.

...Tôi thấy người bạn một sáng ngày thu, giữa những trang sách thơm và những cành hoa ép. Người bạn là sáng ngày thu, là trang sách thơm, hay là cành hoa ép? Bốn tấm nhẹ-lãng, trong-trẻo, tha-thiết, chán-thành: một bộ từ-bình trên vách quế.

Tôi gặp người bạn « những buổi chiều đông... những bình-minh xưa cũ... tiếng mùa ái-ân dâng trong linh-hồn mới mẻ, và nắng tươi cười trên đôi hạt lệ sương...Những buổi chiều thương nhớ chưa qua, những sớm mai say mê đi lãng ở chân trời...»

Tôi quen người bạn trên « đường duyên, mộng bờ, lầu xuân, bể mơ ». Tôi biết người bạn trong « duyên má, mi sương, ngón hương, vai hương »... « những đêm nhớ nhung, tôi thấy lại một người, hai cánh nhai trên một mớ tóc trầm hương... Có lẽ hoa xưa đã héo rã trên bụi nàng...»

Tôi thấy phong cảnh người bạn, gặp nguyên ước người bạn, quen gió-quê người bạn, viết mộng đẹp người bạn, đọc người bạn.

(1940)

PHẠM-VĂN-HẠNH

THƠ LÀ GÌ

của: PHẠM VĂN HẠNH
ĐOÀN PHÚ TỬ
NGUYỄN XUÂN SANH
TRONG XUÂN THƠ NHẤT TẬP.

NGUỜI ta đã thử và chưa từng giải nghĩa được thơ. Như Giai-nhân, như Đẹp, như Trời. Người ta cảm thấy một cái gì siêu thoát, ra ngoài ước lệ, ở trên lý trí, nó rung động ta theo điệu nhịp vũ trụ, hồn nhiên, nó hòa hợp ta trong cái Đẹp và ấp ta nằm trong sự Thật. Man mác của đẹp và sâu sắc của thật. Do trong trẻo gạn nên.

Còn lại « cái gì » mà ta gọi là Thơ.

Một cái không giải thích được, mà không cần giải thích. Nó chiếm đoạt ta tất nhiên, hoàn toàn, tức khắc. Đột nhiên ta nhảy đến cửa Trời như nhào vô lòng mẹ, không xét suy. Bằng con đường thẳng hình ảnh, nhịp điệu, lễ nghi. Âm thanh, màu sắc, mùi giọng được hòa hợp thành những biểu hiệu nhịp nhàng để kêu gọi những rung động siêu việt của bản nhạc vô cùng...

Có rung động là có thơ. Phải cần và chỉ cần có rung động ấy.

Thơ của hoa, trong của nước, thần của vạn vật, thơ của văn nghệ. Trước khi thưởng thức hương, nhận chận sắc, dò hỏi trời, phân tích vui, trước khi dùng những phương thức lý trí, có ý thức, có thống hệ, để phán đoán, để hiểu biết, ta đã chịu sức quyến rũ của mùi thơm, sự lan tràn của yêu thích, ta đã cảm thấy đẹp, đạt đến thật, đắm trong thơ, nát bần của nghệ thuật. Như thế một cách vô ý thức, vô luận lý, bằng tuệ giác.

Bến Tâm-duyên canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu. .

Ngoài cái nghĩa xuôi câu ấy, và trước khi nghĩ đến nó, ta đã được cảm một cái đẹp trong trẻo gợi nên bởi âm thanh, cách điệu... nó mê hoặc ta ngay và đặt ta vào giữa cõi thơ như có thần trợ. Hay nói đúng, một cái gì trên cả âm điệu, không giải được mà chỉ cảm được thôi. Có lẽ ta đã bước vào xứ thơ nhạc.

Nghĩa xuôi của câu thơ, cảnh tả, chuyện thuật, hay tình kể lẽ trong ấy, cái gì giải bày, thứ tự, rõ rệt đều không phải là thơ, vì không thuần túy,

không vượt trên cách thông dụng vụ lợi của trí não, và ngôn ngữ là lợi khí thứ nhất của trí não.

Những nghệ thuật khác văn chương, như âm nhạc, ca vũ, hội họa, điêu khắc có thuần túy hơn văn chương, vì dùng những lợi khí thuần túy hơn. Màu, tiếng, vật thể, không phải vào tay ai cũng nảy ra nh p nhàng tươi đẹp. Còn văn chương hình như ai cũng tự nhận có quyền vào đấy, vì lợi khí là ngôn ngữ ở trong cửa miệng mọi người hằng ngày. Ngôn ngữ lại chính là lợi khí của trí não cần đối phó luôn luôn với sự sống, dùng để trao đổi ý tưởng cho nhau, giải thích sự vật, hiểu biết và hành động, nghĩa là có một chức phận vụ lợi, thực tế, xa bản cốt của Đẹp là thứ rung động xa vời, vô tư lợi, cảm thông với cái vô cùng tuyệt đối.

Về hình thức, văn vần và văn xuôi là hai thể chính của văn chương xưa nay. Về tinh thần, văn chương có hai tính chất, có thể ở cả trong hai thể văn. Một là tính chất giải bày, thuộc lý trí, vụ ích lợi, nói gồm là tính chất « văn ». Hai là tính chất hàm súc, tiềm thức, thuần túy, gọi là tính chất « thơ ». Quan niệm thật về « thơ » phải suy nguyên ở tính chất này. « Thơ » có thể có trong âm nhạc, trong hội họa, trong kiến trúc, nói rộng ra, ở khắp ngành nghệ thuật, và cả trong đạo lý, trong hành động, một khi đã gạn lặt những cặn đục mà còn tinh hoa. Đi sâu vào là gặp cái tinh túy của sự vật hòa với cái chân chất nhịp nhàng: một bài tính kỹ-hà, một ngụy-thuyết, một cái nhìn, một chỉ hận, một mùi cam. Âm nhạc có tính chất ấy, không vụ tả tình hay tả cảnh bằng cách nhại lại âm điệu thiên nhiên; hội họa có tính chất ấy không cần diễn một đầu đề gì; một mỹ nhân hay một con bò họa chẳng chỉ là cái cơ nói thác những cái ở ngoài hình ảnh ấy; đời sống có tính chất ấy, hà tất băn khoăn về thiện ác, chỉ cảm thấy đẹp do sự thật của tươi trong, tức là đến tình trạng tuyệt đích, vượt ngoài ước lệ. Riêng

(Xem tiếp trang sau)

BUỒN MƠ

Đầu buổi mi sương dựa tóc hương

NGUỜI đừng hồn lên một bề mơ
Tay dằng duyên má lộng chiều bờ
Tràng vương giầy gió động nguồn mơ
Người đừng hồn lên mấy bề mơ

Chân trầm xuôi chảy mới say hôn
Mơn tóc (1) dằng đôi buổi ajù hồn
Nghe lẩm bài thơ rộng rãi buồn
Đầu chìm ăn dĩ giữa ơn son

Ấm áp mềm ơ cắn ngón tay
Đường duyên thối mát cảnh chưa ngày
Hồn thơm hoa chín vạn trắng bày
Vườn trút êm vữa anh hơi say

Nhánh đàn mưa lựa vớt du-duyên
Đầu buổi mi sương dựa tóc hương
Giầy ái-ân-hoa thắm mộng trường
Liều đàn buông tóc lên vãi hương

HỒN sang âm-nhạc vuốt cung tươi
Men rượu sầu xanh ẩm dậm người
Môi với tình sa chiều ngón lười
Hồn nghiêng hái ngọt ngọn bình người

Hãy mở buồng thơm nhờ gió tao
Mùa trăng ánh phượng ngã lời đào
Em ngọc buồn mơ quá ngọt ngào
Anh ướp hồn xuân nhai nhánh giao

(1937)

XUÂN SANH

(1) Lời tác-giả: Tác-giả tự ý và vì mình tạm thay cho một tiếng, sẽ gặp trong ĐƯỜNG MÙA; kiến-trúc câu thơ tự nhiên vì thế tạm thay; mỗi tiếng trong bảy tiếng thơ tự nhiên tạm thay linh-hồn cũ.

<https://tieulun.hopto.org>

về văn chương, chất «thơ» có thể có trong thơ và trong văn xuôi; và chất «văn» cũng vậy. Một bài văn chương, không cần liệt vào thể gì, loại gì. Chỉ có «thơ» và «văn» theo nghĩa tinh thần đã định, dù ở trong hình thức nào (thể văn vần, văn xuôi, văn biền ngẫu, hay là loại triết lý, cáo luận, tiểu thuyết, thi ca, kịch bản...)

Thề này loại kia chỉ là những nhãn hiệu do sự nhác lười, tri xếp đặt khoa học bày ra cho tiện phê bình. Sự sáng tác không cần phải lúng túng trong những khuôn khổ bất di-dịch... «Một bài thơ» là sự phối hợp những âm thanh, chữ, hình ảnh, biểu hiệu, theo những niêm luật rõ rệt hay tiềm tàng, để khơi nguồn lưu thông cái run rẩy huyền diệu của Thơ. Nó tràn sóng sang người đọc, được rung động theo nhịp điệu của Tuyệt đối.

Nên người đọc muốn biết cái rung động ấy, cái đầy đủ trác tuyệt do một bài thơ dội vào tâm hồn, cái thỏa mãn thần bí của sự giao hợp sắp hoàn thành (phút giây vĩnh viễn), ít ra cũng phải được lên giây cung cung bức với cây đàn, với thi sĩ, với tình nhân. Người đọc cũng phải có chất thơ, có cốt đàn, có nội tình. Thi-nhân làm xong bài thơ có thể nói: bản đẹp chưa thành. Vì nó còn chờ tác giả thứ hai: người đọc. Cảm xúc chuyển từ người thơ sang độc giả, hòa hợp hai lẽ siêu-hình, con sông thơ lộng một trời mới. Người đọc cũng là thi sĩ, tái tạo cái vũ trụ bài thơ tạo ra. Có thể khác nhau những vũ trụ ấy. Mà làm sao không khác nhau được. Mà cũng càng nên khác nhau. Nên một bài thơ có thể cảm ra nhiều cách: những khúc hợp tấu của Vô cùng.

Ta hãy cùng ngâm:

Lác đác rừng phong hạt móc sa...

hay:

Sông hợp Hán dương cây sắt sát,

Cổ liên Anh vũ bãi xa xa...

và yên cho sóng thơ ngân vang vào thần-kinh-hệ.

Đừng vội thất vọng vì một bài thơ «khó hiểu». Hãy căng lại giây đàn. Hãy đặt mình trong tình trạng có thần trợ. Lặng lẽ và tâm thành. Thiết tha và tin tưởng Trong sạch mà nhập thiền. Sẽ trực giác được thơ. Không bao giờ có thơ khó hiểu; chỉ có những tâm hồn đi lầm chính đạo. Con đường kia khi tìm thấy, sẽ đưa thẳng tới cửa Trời. Không phải mò mẫm những lối xét suy thứ tự chỉ dần dần tới những sự hiểu biết vụn vặt, vụn vặt ích lợi, tương đối, hay tối tăm.

Con đường trên là con đường «Thơ», do tâm linh chỉ lối.

Những lối đi dưới là lối đi của «Văn».

Những bài thơ xưa nay, thường không có «Thơ», nên người đọc thơ thường chỉ biết dò theo lối đi «Văn». Đến khi gặp hẳn «Thơ», chỉ biết kêu là không hiểu mà không tiếp tục được ngay. Lối không phải ở thi sĩ. Nghệ thuật là một

sự khổ hạnh, để đạt cái đẹp. Như sự tu hành, vươn tới lẽ thật. Tục nhân không thể giao tiếp với thần linh. Lối không ở thần linh.

Thơ chỉ hình dung được cái bản ngã thuần-túy, cái bản ngã cuối cùng của thi nhân, hay sự vật. Thơ chỉ là một sự nhớ lại, một cuộc trở về, cuộc trở về của thi nhân trong cái tôi huyền bí của mình, hay trong cái tôi của mình nằm trong sự vật. Vì thơ không phải như nghĩa tục, chỉ là một sự làm khoái tai, vừa ý, bằng cách khiêu động người ta, thô sơ, dễ dãi. Thơ không phải cốt «tả» những cảnh tượng đẹp, cốt «thuật» những tình ý hay, cốt «giải bày» những cao đàm hùng biện, cốt diễn những thứ «không tinh khiết» vì đều ngụ một sự ích lợi (như khuyên lơn, dạy bảo, mơn trớn, duyên dáng, than van). Mà «thơ» trước hết phải là sự trong trẻo, sự vô tư lợi, sự kêu gọi không cùng, sự rung động tức khắc, sự gặp gỡ đột nhiên, sự hiển dạng không nghĩ đến trở về. «Văn» nói chuyện đời, nhưng «Thơ» chính là tiếng đời u-huyền, trực tiếp.

Có thể viết theo toán pháp: Thơ = Trong = Đẹp = Thật. Cái gì trong trẻo là đẹp: hương hoa, chất ngọc, lòng băng, một ý tưởng vô tư lợi, một cử chỉ vô lý do; không cần chứa cái gì, để làm gì, biết thế nào; tự nó có ý nghĩa, có cứu cánh ở nó; tự túc, toàn năng. Và cái gì đẹp là thật. Một chiếc lá, một lời đau, một khoe mắt, một nhịp đờn... ai bảo là hư ảo? Đó là sự thật, ta cảm thông bằng tuệ giác, khi đã nằm trong chiếc lá, trong lời đau, trong khoe mắt, trong nhịp đờn. Ta đã thấy «Thơ». «Thơ» chính là một cách tri thức cao cấp. Nó đã bắt gặp hình-nhi-thượng, đưa đến tôn-giáo, và thực hiện ái tình, nghĩa là vô biên. Thơ, tình yêu, tôn-giáo đều nở bừng trong tuệ giác.

Có nhiều cách «nhận thức» không kể lối thô thiền của thường nhân, đứng bên ngoài sự vật mà cảm giác bắp bênh, hẹp hòi, u ám): bằng sự xét nghiệm về khoa học chỉ hơn cách trên ở sự tổ chức thống hệ), bằng sự tìm tòi thuộc lý tính (toán pháp, triết lý: cũng không hiệu lực gì). Thơ đã đi một con đường khác, con đường thẳng tới trời. Thi sĩ, cùng cung bức với giáo sĩ, với tình nhân. Một lời thơ, một lời cầu, một lời than là lời nói của Vô cùng, dấu hiệu của Tuyệt đối.

Thi sĩ cảm trong một chiếc lá, khi đã nằm hẳn trong chiếc lá, hòa trộn cùng cái lẽ thật muôn đời, là cái tinh túy muôn vật, là chất «thơ» muôn nguồn gốc. Thi sĩ từ trong chiếc lá mà rung động ra ngoài và đã chiếm đoạt hoàn toàn chiếc lá, đã cùng nó hợp một; có một phút thi nhân đã là chiếc lá. Chữ không phải đứng bên ngoài nó, đi vòng quanh mà siêng năng tìm kiếm, xét dần dần những sắc thái dần dần lĩnh hội được, để mô tả, giải bày, ca tụng, một cách vụn vặt, nông cạn, thiếu thốn. Độc giả cũng phải theo con đường thẳng của thi sĩ, sẽ thấy được «thơ», cái gì thật

là « thơ », sẽ thấy trong tuệ giác cái đầy đủ tuyệt vời. Độc giả cũng phải có lòng thi sĩ, có công tái tạo cái vũ trụ của thi sĩ.

Không một sự cao quý nào mà dễ dãi tự hiển bao giờ. Hãy nằm trong thơ, đắm trong nhạc, đừng vội muốn hiểu biết, đừng mỗi lúc mỗi hỏi thi sĩ định nói gì, hay là định chế nhạo mình đây? Không, thi sĩ đã chân thành tạo ra con Đường Ánh Sáng của thi sĩ. Độc giả hãy chân thành bước lên, và sẽ nhận thấy con Đường Ánh Sáng của độc giả. Những con đường cùng cảm thông đến lẽ thật bằng cái Đẹp trong Tình túy. Không phải một con đường nào, « trong », « dưới » hay « của » một ánh sáng nào. Những chữ dùng đề liên lạc hai ý ấy không cần và không nên được tỏ ra. Lối liên lạc ấy theo luận lý, có ích cho sự thông hiểu rõ ràng, nhất định của « văn », nhưng quả không phải của « thơ », tự nhiên lưu thông siêu thoát, có bao giờ tự buộc bằng những giây nhợ bên ngoài. Đến thơ chỉ có một đường, nhưng đến văn thì vạn lối.

Chúng ta hãy yêu đến thơ. Không nên muốn hiểu trước khi xúc cảm. Rồi ta sẽ hiểu, nhất là sẽ biết, cái biết đầy đủ, trong trẻo, tròn vẹn, nhịp nhàng. Nhập tâm hết những hình ảnh, âm thanh, cách điệu, lẫn trong sự mờ ám bề ngoài. Lặng lẽ mà chiêm ngưỡng :

*Châu Nam Hải thuyền chìm sóng Thúy Ái,
Sóng Tiền Đường cỏ áy bến Ô-giang...*

Chúng ta sẽ bước vào Trời, lòng tinh đối với điện ngọc, như hạt thơ xanh kia là Trời của thi sĩ, phút ngọc của người. Thi-nhân đã tự giác, còn phần khai giác cho kẻ mười phương. Hai bầu sáng suốt kia sẽ cùng ngào ngạt một hương đàn. Thi-Nhân Thuần-Túy với Phật cùng tìm một uyên-nguyên cho sự sống Hai Người Tuyệt Đối trong một trời siêu việt diệu huyền.

Đừng luận lý với thơ, cũng đừng luận lý với người yêu; đừng mặc cả cân nhắc lời yêu, cũng đừng đo đắn lời thơ.

Chỉ cần biết nghĩa từng chữ, rồi những chữ ấy ở cạnh nhau sẽ nảy ra những âm thanh gì, hình ảnh gì, biểu hiệu gì, gợi trong trí não một vũ trụ gì tức khắc, mới mẻ, không phải giảng giải, không phải phân tích, không phải lý luận, không phải phê phán, không cần phải tìm cho câu thơ, hay những câu thơ một nghĩa xuôi. Sau khi « cảm » thấy thơ một cách trực tiếp, vẫn có thể tìm « hiểu » những nghĩa xuôi bằng sự suy nghĩ. Và một bài thơ là một bản hợp tấu có thể hiểu ra nhiều nghĩa (đã nói độc giả cũng phải là thi sĩ, có thể khám phá được một nghĩa riêng cho mình, tìm được một thế giới lạ cho mình). Nhưng cần nhất là « cảm » thấy « thơ » trước đã (thuyền đã ra khơi), nghĩa là tuyệt đối, là cái gì rung động mình mà không giải thích được. Nhất là chớ cần vạn

hỏi han, vì thơ cũng là lặng lẽ, như tranh, như tượng, như hình khiêu vũ, như đàn.

Bởi do, bản tính của thơ là huyền diệu, huyền ảo, huyền bí. Như tôn giáo, như ái tình. Ta cúi đầu mà chịu lụy.

Đừng tìm sự sáng sủa, sự rõ rệt, sự thứ tự. Ấy là những vẻ hào nháng đối trá, chỉ cho ta biết những sự thật vụn vặt, thiên cận, tương đối. Lẽ thật ở trong xa nữa, trong sâu nữa, và trong trẻo, và toàn vẹn. Đấy mới là ngọc. Đấy mới là thơ. Đấy mới là trời. Một bài thơ có thể « hiểu » ra nhiều lối, tuy « cảm » một cách duy nhất. Nên độc giả tùy theo trình độ tri thức mình, mà hưởng thụ ít hay nhiều. Cùng một cảnh trăng, cùng một nụ cười, cùng một tiếng đàn, kẻ sơn giả hay nhà bác học có lẽ chung một thứ cảm (rung động là rung động) nhưng phong phú không bằng nhau. Nên thi ca cũng phân nhiều bậc. Chữ « thơ » trong bài này chẳng qua đã được hiểu theo nghĩa cao đẳng vậy. Độc giả lĩnh hội được hay không, tưởng không phải điều quan tâm của thi sĩ. Thi sĩ đi tìm « thơ », tìm « lẽ thật », tìm « mình ». Phận sự chỉ ở đó, nguyên nhân lòng ham mê chỉ ở đó. Và biết đâu mỗi người trong đời không chỉ tự giác ngộ được mình thôi. Và câu :

Bán hợp quỳnh diên tố hợp hương...
trước khi gió đưa qua hồn chúng ta, đã là nhị bông của vườn Lý-Bạch.

Tính chất của « thơ » tự nhiên bắt nó có một tính cách hàm súc, tĩnh mịch, tổng hợp : đặc tính của Á-đông ta, và tất cả « nền văn minh » ấy. Trái với Tây-phương xu hướng về sự rườm rà, âm ỹ, phân tích. Ngôn ngữ, cú pháp Á-đông rất thích hợp cho thơ, bởi phát hiện bằng toàn hình ảnh, hương sắc, xếp đặt một cách uẩn huyền diệu. Không có rõ rệt, khúc triết, trừu tượng như lời văn khoa học của Âu Tây. Những tứ thơ của ta thường ưa đọng lại trong những bài thơ ngắn (như tứ tuyệt, câu đối, rô-bai, hai-cai), cốt gợi hơn là tả những tình ý đẹp, bằng một vài nét rộng rãi, khả dĩ chứa cả một vũ trụ siêu hình, mở những chân trời bao la, rót vào giác quan bao nhiêu thế giới lý tưởng. Đọc những câu :

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu...
hay là :

Dương-lữ giang đầu dương liễu xuân...
ta thấy trong lòng mang mang một cảm tình vô hạn. Đột khởi ta được ban phước, cái phước thâm trầm, giấu diếm, không hẹp hòi.

Ảnh hưởng Âu-Tây có lẽ tốt cho « văn » hơn cho « thơ ». Luận điệu của Âu-Tây có thể bồi đắp cho lối diễn tư tưởng của ta được có thống hệ, phương pháp, nhưng không thể và không nên

(Xem tiếp trang 22)

ÂM NHẠC LỐI HÁT Ỏ-ĐÀO

NGUYỄN XUÂN-KHOÁT

TRƯỚC khi đi sâu vào âm-nhạc Việt-nam tôi thấy cần phải gửi các bạn vài ý nhỏ tuy rất thường nhưng có lẽ không phải là không quan hệ, nhất là đối với người Việt-nam mới được nghe âm-nhạc Việt-nam.

Muốn thưởng thức âm-nhạc cổ nhiên phải biết nghe, nghĩa là trước hết phải có một cái tai tinh tế, một thính giác tế nhị, biết phân biệt rõ ràng tiếng cao tiếng thấp, các thứ tiếng riêng của từng nhạc-khí, ghi nhớ được sự cao thấp các cung và câu nhạc, nhận biết câu nhạc đang đi theo về phu nào và bộ nào, cảm được tiếng nào đứng ra ngoài phu ngoài bộ, và có thể phân được từng bè. Cho nên muốn thẩm-âm phải tập luyện cái nghe trước hết. Người ta có thể không biết chơi đàn mà nghe đàn sành sỏi, trái lại chơi đàn giỏi chưa chắc đã biết sành nghe. Tôi thường thấy nhiều bạn tập đàn chỉ chú trọng trau dồi cái tài chơi, gọt dũa cái khéo tay, cố nặn tiếng đàn cho thật tròn, cố bấm cho thật nhanh, thật nhiều ngón, mà thường xao nhãng việc điều luyện cái tai, làm giàu cho thính giác. Ấy cũng bởi vì âm nhạc Âu-tây đã ghi dấu sẵn sàng, dù tài có kém cũng có thể dễ dàng thành được nhạc công, nhất là những người chơi sẵn cây đàn đúng tiếng.

Đọc đến đây có bạn ngạc nhiên thấy rằng khoa thẩm-âm cũng gây lắm công phu cho người chơi nhạc. Các bạn có ngờ đâu bao nhiêu việc các bạn làm, biết, hiểu, cảm được xưa nay là do ở sự luyện tập tự nhiên và kín đáo đã tự bao giờ mà các bạn không hề lưu tâm đến. Riêng hội họa có tập ngắm, tập đo mới thấu hiểu sự xa gần, cân đối, hòa hợp các dáng, các đường; đây ta nói về một nghệ thuật chuyên hòa hợp dáng và màu, bao giờ cũng diễn rành rành trước mắt. Còn như âm-nhạc, một nghệ-thuật hầu như vô hình, một sự rung động thoáng hay đậm trên không gian, một sự biến hiện nhẹ nhàng trong thời khắc. Nghe, xưa nay chỉ dùng để hiểu biết trong cuộc sống hàng ngày. Nhưng nghe để thưởng thức, để cảm thông thì không những chỉ liên can đến tri-khôn mà đến cả tâm hồn ta nữa.

Đối với các bạn âm-nhạc Âu-tây đã xóa mất cái tài an-nam không rõ tự thuở nào, tôi còn cần phải nhắc tới cái công trình của tập quán trong việc thẩm-âm: không quen thì thế nào cũng bỡ ngỡ lần đầu; mắt ta, khi đang ở chỗ

sáng vào bóng tối cũng phải mất một lúc lâu mới nhìn nhận ra dần. Tai cũng thế, đang quen nghe một thứ âm-nhạc, chuyển nghe sang một thứ âm-nhạc mới thế nào cũng còn lâu mới nhận thấy cái hay: cách bắt hơi, lối nắn phím, những tài-liệu riêng dùng trong một thứ âm-nhạc tự nhiên khiến tai ta bỡ ngỡ lúc đầu. Lối ở tai ta không quen và không rộng lượng tiếp nhận cái mới, chứ không có âm-nhạc nào lại không nặng trĩu một cái hay riêng, không mang một cái đẹp lạ, không chứa một sức quyến rũ thâm trầm.

Cái hay, cái đẹp, cái duyên bắt đầu từ nay tôi nói đến, nó chỉ là một trong bao nhiêu cái hay, cái đẹp, cái duyên sâu sắc, tinh xảo, mặn mà, bền bỉ, nó không dễ dãi, mộc mạc, chóng phai tàn. Nó đã vươn đến chỗ tận hảo tận mỹ trong phạm vi của nó, nghĩa là không ngoài một giọng hát trong và dẻo mấy tiếng lơ dục và cứng, mấy tiếng gõ khô và nhẹ, điểm vài tiếng trống âm và nặng. Bao nhiêu thứ tiếng ta tưởng là tương phản nhau mà lại nâng đỡ cho nhau, tưởng là rời rạc mà lại ghép với nhau mật thiết. Một cái đẹp giản dị mà cầu kỳ.

Cái đẹp đó do ở một thứ âm-nhạc xưa kia dùng vào việc tế lễ, và gần đây đã trở thành một lối đặc biệt thưởng thức văn chương của các thi nhân mặc khách Việt-nam. Nhưng tiếc thay cái ao nhà xưa kia trong bao nhiêu thì bây giờ đục bấy nhiêu. Ao nhà đấy, nhưng tôi chưa giám khuyên các bạn tìm về. Tôi, vì khao khát và mến yêu âm-diệu của đất nước chỉ mong xin vớt lên ít hoa thơm cỏ lạ để giúp các bạn thưởng giám nếu sau này các bạn sẽ gặp được dịp đích đáng thẩm âm.

Vớt lên cạn đây, nó sẽ không được tươi như ở nước. Khoa học chưa cho ta đủ tài liệu thuần khiết để ghi được trọn lên giấy cái vẻ, cái màu các tiếng tỉ mỉ lắt léo của lối âm-nhạc Việt-nam.

Dù rằng khó, nhưng biên chép được đến đâu là hay đến đấy. Và một buổi hát đẹp bao giờ cũng vẫn hiếm, nhưng sau ba tiếng trống đồng dục đều đặn bốc lên, đào nương đã bắt đầu sóc phách.

...

Nhận kỹ những tiếng phách ta vừa nghe

ta thấy đó là một bản nhạc tạo ra bằng ba thứ tiếng gỗ : một thứ tiếng rè rè gọi là phách do một chiếc dùi chập đôi (tay ba) tay phải cầm gõ xuống bàn phách ; một thứ tiếng dòn gồm hai âm nhẹ, ngắn và mau, do một chiếc dùi (lá phách) tay trái cầm đề nảy lên bàn phách, tiếp một tiếng phách (tiếng rè) gọi là rục ; cuối cùng một thứ tiếng gỗ nặng và kên do hai chiếc dùi gieo xuống cùng một lúc (gọi là chát).

Thật là một bản nhạc quá giản dị chỉ gồm có bốn câu : câu thứ nhất gọi là sòng đàn, câu thứ hai : khổ giữa, câu thứ ba : khổ siết, câu thứ tư : lá đầu. Mỗi câu có một ý nghĩa riêng tùy ở sự nhiều ít, thứ tự nhanh chậm, ngắn

dài của mấy thứ tiếng gỗ, xếp đủ thành chủ từ, động từ và bổ sung từ.

Sòng đàn có vẻ gọn gàng, đồng dục, thẳng thắn, đứng ngay sau một câu hát có công dụng như dấu chấm trong câu văn, và thường dẫn đầu cho một bản nhạc hay một câu nhạc.

Khổ giữa có vẻ vội vã thúc giục, thường hay đứng giữa một câu nhạc : sòng với cách chấm câu ta có thể ví với dấu chấm phẩy.

Khổ siết có vẻ nhẹ nhàng trôi chảy, thường dùng trong bản nhạc khi nào nghỉ giọng : ấy là một dấu chấm treo.

Còn « lá đầu » thì có vẻ đứng đĩnh khoan thai, xui ta nghĩ đến một dấu phẩy.

(còn nữa)

Bản nhạc phách

Sòng đàn

Khổ giữa

Khổ siết

Lá đầu

rục = phách = chát bỏ không gõ (p)

THƠ' LÀ GÌ

(Tiếp theo trang 17)

chen vào lối diễn cảm giác riêng của ta, cái đẹp riêng của ta. Phần trên là phần chung, phổ thông được, phần « văn ». Nhưng phần dưới là của riêng từng dân tộc, là tinh thần thiêng liêng từng giang sơn, là phần đặc biệt, tinh hoa, phần « thơ ». Và đọc câu :

Hàn tuyết mai trung tận,

Xuân phong liễu thượng qui...

ta biết ngay đó là cổ thụ của đất nào.

Những nhà « thơ mới » đã phản bội « thơ » khi đem cái tính cách phân tích, giải bày, những hình ảnh sáo, những tình cảm sáo, những cảm xúc sáo của Âu-Tây đem như những cái mới mẻ tự mình đặt ra. Thi sĩ (theo tự nguyên chữ *poète* của Tây, là kẻ sáng tác) phải đòi hỏi luôn luôn những hình ảnh cũ, tìm lại những biểu tượng mới, nhìn cảnh vật bằng đôi mắt riêng, cảm vũ trụ bằng tấm lòng lạ. Một hình ảnh dùng rồi, là đã chết. Người lần đầu nói : « làn thu thủy », là thi sĩ. Nhưng người thi sĩ thứ hai không có quyền nói lại. Trong khoảng thời gian, lâu lâu có một bậc thiên tài, lấy tai mới mà nghe giùm thiên hạ, lấy sự rung động lạ mà làm mạnh mẽ lại những sợi gân chùng. Ấy là bậc thi sĩ. Lúc mới xuất hiện, hường bị trí lười nhác, sự hủ lậu của thời-nhân che phủ. Nhưng trước sau rồi chiếu rạng, như những mặt trời liên tiếp nhau trả sự sống cho cõi doanh hoàn.

Mãi đến cuối thế-kỷ trước, thơ Pháp mới gây nên phái tượng-trung với dòng thi-sĩ Verlaine, Rimbaud, Mallarmé. Thơ Pháp đã gặp thơ Á-đông, ở chỗ vụ sự uẩn súc, huyền ảo, trực giác. Hình ảnh Rimbaud, cú pháp Mallarmé, với gần đây kiến-trúc và triết-lý Valéry, muốn bỏ lối diễn giải, phân tích, sáng sủa, mà đạt đến thơ bằng sự trong trẻo.

Họ hết công tu luyện để đến gần sự thật. Cái mà thời-nhân cho là đã hấp thụ được của Phương Tây, thì người Á đông ta, có cái trí cổ sơ, cảm thấy ngay từ lúc đầu, nhờ một ngôn từ đặc biệt. Tìm thơ vĩnh viễn, ta trở về nguồn : Ta.

Có thể nói : thơ cho ta cảm thông với tuyệt đối bằng những biểu hiệu điều hòa. Nội giới ta, dưới mặt sáng sủa của ý thức, còn những lớp dày đặc u huyền của tiềm thức và vô ý thức, ở đấy mới ẩn lẽ thật, lẽ thật vĩnh viễn, cái thuần túy, cái « thơ ». Cái phần trên là phần tri thức, đề ứng dụng với sự hành động, hiểu biết, ích lợi, phần của « văn », chỉ có giá trị tương đối. Một bài thơ không được hiểu như một bài văn, một cách lộ liễu, nhất định. Phải chứa nhiều sức khêu gợi, ý ở trong lời, đúng với sự thật sâu sắc bao la trong toàn thể. Chỉ có một đạo-lý và một đạo : là Thơ.

Vậy thơ không cần lúc nào cũng rõ nghĩa, vì nó không chủ động trong địa hạt ý nghĩa, không phải lúc nào cũng sáng sủa vì nó không vụ phát biểu cái phần sáng sủa của tâm linh, nó giữ phần sâu kín, nó giữ phần sâu sắc, không phải lúc nào cũng theo lý luận, vì nó chịu sức chi phối của những luật vô hình, không lúc nào cũng đề chỉ bảo một cái gì, vì nó không vụ ích lợi thực tế. Thơ là cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu, cái hình ảnh sự khắc khoải bất diệt của muôn vật : cõi Vô Cùng.

(1941, đầu mùa xuân)

PHẠM VĂN HẠNH

ĐOÀN PHÚ TỬ

NGUYỄN XUÂN SANH

trong Xuân Thu nhã tập

HỘP THƯ

Ô. Ng. văn Nhạc (Saigon) – Thưa ngài, Số báo tháng Juillet và Septembre nhà báo bán hết rồi.

Ô. Ng. xuân Hiếu (Hanoi) – Cám ơn ông đã gửi bài. Nhưng không tiện đăng, xin cho biết địa chỉ. Sẽ có thư giả nhởi riêng.

HOA MAIPHONG

Biểu hiệu ve đẹp quý phái

Médaille d'argent



HOA PENSÉE NHẮC BẠN NHỮNG QUĂNG ĐÔI ÊM ĐẸP

BÔNG BẠCH HƯƠNG CÓ MỘT VẺ ĐẸP CAO QUÝ

Nhà Maiphong có 2 thứ hoa quý đó để các bạn dùng trong dịp xuân tới!

7, HÀNG QUẠT, HANOI

Đông phương và Tây phương

ĐINH GIA-TRINH

Kính lạy mẫu thân.

N NGÀY xưa, ngày xa xôi, trong lũy tre xanh, tôi sống, tôi thở trong một bầu không khí Đông phương. Những đêm giăng bóng cây nô rồn trên sân đất; những buổi trưa hè cuộc kêu, và tiếng vồng dừa, tiếng mẹ ru con; những buổi chiều sáo diều và chuông chùa thu không, và chim bay về tổ xa; những ánh tà dương trên tường rêu. Yên tĩnh. Hoa cau trong vườn, hoa sói ở chậu cảnh; xuân hạ, thu, đông qua lặng lẽ mà dài. Sau một ngày tết Nguyên-đán bao giờ mới lại tới ngày tết Nguyên-đán sau. Thời gian đi chậm chạp quá ở lòng tôi.

Bao lần tôi đứng tựa cửa, ngó qua cổng làng con đường đất nhỏ quanh co, Ôi, trên con đường đất ấy tôi đã thấy bóng người mẹ thân yêu của tôi thường đi xa về, mang cho tôi những món quà xa lạ. Ao lặn đầy bèo và hoa súng, lúa chín thơm qua các cánh đồng vàng, những buổi chạy rồng bắt cào cào « áo đỏ, áo xanh », đó là cả tuổi thơ ấu của tôi sống với đất nước, hít không khí quen thuộc của quê hương.

Qua những buổi chiều đọc những truyện hoang đường cổ, xem những tiểu-thuyết võ hiệp của Trung-hoa, trí thức của tôi ăn những đồ ăn của Đông-phương, tim tôi đập những cảm xúc của Đông phương; e sợ buổi hoàng hôn khi trông cò trắng bay về dặm tre xa màu thâm trên nền trời xám dịu; rung động tôn kính khi nghe chuông chùa thu không thông thả ngân nga; sống những mê say của thi sĩ buổi ban đêm tìm ở vắng trắng thu đơn lẻ bóng một hăng nga mà trí tưởng tượng đã khiến ta hình dung như một người đàn bà

Một ngày đó tôi rời bỏ ngôi nhà ngoi vình xinh ở đầu làng cùng với cha mẹ tôi ra tỉnh ở. Tôi mang tâm hồn đi cạ sát vào mọi vật, tôi từ giã cái tĩnh mịch của thôn quê để tìm ở rộn rã nơi tỉnh thành những học thuật mới mẻ và một quan niệm về đời sống. Mỗi tuổi mới lớn lên, thời khắc càng thấy mau qua, những thế giới rộng rãi xưa kia như thu nhỏ hẹp lại. Tôi ra vào các học đường to nhỏ, bao lần tôi buồn nhẹ nhàng và man mác trước hoa xoan nở, khi nghe ve sầu ca, chim tu hú kêu báo hiệu sắp nghỉ hè hoặc sắp tới kỳ thi. Tôi dần leo những bậc thang của học vấn. Trí thức của tôi sống với các nhà tư tưởng Tây-phương giác quan của tôi được cảm xúc bởi những kỹ xảo của mỹ-thuật Tây-phương, lòng tôi trở nên mê say những đẹp đẽ ở xa xôi mà tôi thấy trong tác phẩm của các nghệ sĩ nước ngoài. Đã bao lần tôi sống những thương tiếc vãn vơ, những sầu vô căn cứ, những hoài bão phiền phức, vô định, của những thi-sĩ, triết gia Âu-Tây.

Cái tinh thần yêu sáng láng, rõ rệt, luận lý của Tây-phương đã quyến rũ trí thức tôi, sự bông bột thiết tha trong tình cảm của Tây-phương đã làm hải lòng sôi nổi của tôi, lòng tôi muốn yêu, muốn thờ phụng, theo đuổi hoài một lý tưởng hoạt động, anh hùng mơ ảo

Một buổi kia, cậu học sinh trẻ tuổi là tôi thừa xưa trở về quê hương. Chàng quen Racine Dostoïevsky, Kant, và bước khiêm tốn trên đường đất nhỏ gập gềnh, ven bên nhưng bờ ao lặng lẽ, qua những bụi ruối, bụi măng cụt đến gọi cửa một nhà giản dị để nghe tiếng chó sủa đáp lại, như ở đây xa xôi của bao thời đại. Họ hàng thân thuộc chạy lại đón tiếp niềm nở. Vẫn bức tường vôi giữ dấu vết của thời gian, vẫn bể nước cũ, và ngồi ở trong nhà vẫn nghe tiếng kéo kệt của các thân cây tre cọ sát với nhau dưới gió hè. Mùi hương trên ban thờ như gói giấy cả một màu tình cảm, làm thức cả một thế giới cảm xúc hồi hộp. Không khí của Đông-phương đây rồi! Đông-phương đất của êm dịu, của say sưa thụ động, của hạnh phúc trong yên lặng. Đông-phương sáng nay trong tiếng chim khách báo tin người xa sắp về; Đông-phương trưa nay mới mẻ với tiếng mẹ ru con; Đông-phương chiều nay qua các cánh đồng thơm tho trên đó vạc lay đi an đêm; Đông-phương đêm nay với gì êm êm như cơn vuốt, tiếng chao chục của muôn đời kêu khuỷa

Tâm hồn tôi, trí thức tôi nửa quuyến luyến Đông-phương. nửa duyên nợ keo kết với Tây-phương. Tiếng sáo của người hành khất mù thối bên ven sông làm sống giậy con người Đông-phương ở nơi tôi, nhưng con người Tây-phương biết lắng tai nghe những bài Symphonies tuyệt diệu của Beethoven. Tư tưởng Âu-tây đã như làn sóng tràn ngập xứ sở này, nhưng hồn Đông-phương còn mãi mãi ở buổi tà dương kia; ở ngôi chùa vắng nọ, ở những đêm với tiếng hát của người lái đò, với đèn lấp ló trong các thuyền đậu ven sông khiến ta nghĩ tới bến Cô-Tô của một dĩ vãng thi vị tựa như hoang-đường.

Buổi nay tôi du lịch từ Tây sang Đông, tôi đi từ Shelley tới Lý-thài-Bạch, từ những sôi nổi của Chénier trong bài iambique cuối cùng tới cái điềm tĩnh hiền triết của Lão-Tử, từ những thiết tha say đắm của bà De Noailles đến cái cảm súc bình tĩnh của bà Thanh-quan, từ cái phương pháp giảng dạy minh bạch của Decartes đến cái triết lý trực giác của Khổng-Tử. Một quyển sách gấp, một quyển sách mở hai mươi thước trên hè đường, bước khỏi một lũy tre, thế là ta thay đổi bầu không khí tinh thần của ta rồi.

Ở dĩ vãng trong tuổi thơ ấu, tôi sống với Đông-phương. Lòng tôi trước khi hiểu Hamlet và Werther đã khóc than với người ca nữ trong Tỳ-bà-hành, đã buồn với người chinh phụ mỗi mắt tìm bóng người yêu qua « ngàn dâu xanh ngắt, » đau đớn với chàng lái đò si mê để hận tình kết lại thành một trái tim châu ngọc chỉ tan dưới nước mắt của mỹ nữ, mê

...Thu - nhật tài - liệu để giúp vào sự giải - quyết những vấn - đề quan - hệ đến cuộc sinh - hoạt của dân - tộc Việt - Nam...

say, với tiếng suối êm chảy về thiên thai, giữa hai rặng hoa đào. Rồi trong bao nhiêu năm miệt mài với những triết lý của Tây-phương say mẩn cái khoa học của Tây-phương, tôi hình như đã hầu quên cái không khí tinh cảm thi vị cổ hữu của đất nước. Nhưng một hương của hoa, một tiếng đàn nghe lơ đãng trong đêm khuya, một tiếng chim kêu, một câu thơ đọc bởi một miệng chất phác lại làm cho những cái gì Đông-phương ở lòng tôi thức giậy. Tiềm tàng ở lòng tôi có bao nhiêu cảm súc sơ giản nhuần thấm sâu vào tâm hồn trên đó một lượt tư tưởng và tình cảm Tây-phương tới che phủ. Nhưng thỉnh thoảng, nhô lên trên chỗ sáng của linh hồn những căn bản tinh cảm của tông tôi sơn sao tranh chỗ sống, tranh đấu để lôi tôi về một khí hậu quen thuộc thủa xưa.

Đứng ở chỗ giao thông của hai thế giới, tôi tựa như đang chờ vợ đang đi tìm một chân lý, như kẻ si tình đang kiếm người yêu để thờ phụng. Đông - phương hay Tây - phương ? Những khi một mình trầm tưởng trong phòng sách hoặc trên những con đường vắng, tôi thấy trí thức tôi, lòng tôi như sơn sao bứt rứt trong một cảm giác bồn khoăn vô định hoài.

D. G. T.

ĐÃ CÓ BẢN :

HOA MAI SỐ TẾT **tức CON MÈO MẮT NGỌC** của NAM-CAO

Xuân mới đã về, rừng mai đầy hoa nở man mác như tuyết phủ đầu non, muốn hưởng hết cái thi vị của mùa xuân, các bạn cần có cuốn HOA MAI SỐ TẾT, cách trình bày rất mỹ thuật, truyện ngộ nghĩnh và vui rất hợp với mùa xuân.

Nhà xuất bản CỘNG - LỰC
N° 9 rue Takou, Hanoi Tél. 962

TẾT CHỜ CHO TRẺ EM TIỀN, HƯ TRẺ EM ĐI, CHỈ NÊN CHO :

ĐỒ CHƠI INDO

== ích lợi và đẹp như đồ chơi Âu Mỹ ==

Bán buôn và bán lẻ tại: số nhà 27, phố Hàng Thiếc, Hanoi

C Ô L A N C Ô L A N

(Tiếp theo trang 15)

— Cứ mang cả đi có được không? Chị hãy còn.

— Nhưng mà nhiều quá.

Cúc vừa cắt nước hoa và phấn vào hòm vừa trả lời Lan. Từ nãy đến giờ tuy cũng ở trong buồng tuy ở trước mặt nhau nhưng Lan và Cúc hình như không ai muốn nhìn ai. Tuy muốn gần nhau nhưng mỗi người có một nỗi lòng riêng, không như ngày trước cười chung, và nghĩ ngợi chung. Lan muốn vui với Cúc, Cúc muốn buồn với Lan, nhưng hai người đều gượng cả nên cả hai người cùng ít nói.

Cúc lên giường nằm cùng với Lan. Nàng nghĩ ngợi nhiều lắm, và muốn nói ra với Lan. Xong cả việc rồi, nằm xuống giường Cúc mới nghĩ ngợi rõ ràng đến ngày mai: một cái buồng lạ một cái giường lạ và không ở bên cạnh Lan nữa. Còn Lan thì vẫn còn ở đây trong cái buồng này không thay đổi Cúc đã sợ và thẹn ngay từ bấy giờ. Nàng nhớ Lan tuy Lan nằm, ở bên cạnh nàng. Nàng sợ, nàng thẹn, nàng nhớ và trong một lúc này muốn ở lại đây như Lan; hay là nàng không muốn đi với. Cúc muốn nói chuyện với Lan, nhưng nàng biết nói gì. Lan đã nằm một lúc lâu, nàng bỗng hỏi Cúc.

— Thế nào, hai chị em Dung và Nghi cũng nhận lời mai đến rồi chứ?

Dung Nghi với hai người bạn nữa của Lan và của Cúc sẽ đi phù dâu ngày mai.

— Có. Chúng nó ra vẻ bằng lòng lắm, mai chắc thế nào cũng đến từ sớm.

Lan đã hỏi câu ấy để hai chị em khỏi yên lặng mãi, chứ nàng cũng không quan tâm đến điều ấy. Lan hỏi em để cho Lan khỏi phải nghĩ với vắn, buồn vì Lan. Nhưng câu hỏi của Lan cũng vừa làm cho Cúc ra thoát cái buồn của Cúc. Cúc trả lời Lan vội vàng và lại nói thêm nữa.

— Hai chị em con Oanh với con Yến nữa cũng đã sửa soạn cả rồi. Tất cả bốn đứa cũng mặc màu hồng như em. Bốn đứa ấy trông đều nhau đấy chị nhỉ?

Lan hỏi lúc trước nhưng lại không đề ý đến Cúc trả lời nên một lát nàng mới nói.

— Ừ đấy.

Rồi cả hai người lại thôi không nói gì.

Sáng, Cúc và Lan cùng trở dậy. Không ai nói được với ai một lời tâm sự nào trong cái đêm cuối cùng ấy. Cúc không từ giã được chị một lời, Lan không mừng em được một lời.

Hôm nay là ngày đón dâu. Ông Phan-Ngọc đã ra buồng tiếp khách nhìn qua một lượt xem bày biện còn thiếu thục gì không.

— Lan! sao cái bàn con này không đề thêm một lọ hoa.

— Lan! xem cái cốc, tách đã đủ chưa.

Bà Phan-Ngọc thì lên gác xem Cúc đã trang điểm chưa. Bà cũng gọi Lan.

— Lan, mày không lên mà hộ cho con Cúc. Nó lúng túng mãi, rồi lúc nhà giai người ta đến lại cuống quít lên.

Lan phải chạy lên, chạy xuống luôn, việc gì cũng đến nàng, cái gì cũng Phan-Ngọc bà Phan-Ngọc cũng hỏi nàng.

Mười giờ các cô phù dâu đến. Lan nói thôi không phải hộ Cúc ở trên gác nữa. Nhưng nhà giai cũng sắp đến rồi nàng lại phải xuống dưới nhà xem giàu cau, chè nước đã sẵn sàng cả chưa. Khách nhà gái lần lượt đến rồi, ông Phan-Ngọc bà Phan-Ngọc ra cả nhà ngoài đề tiếp. Lan từ nhà trong xuống dưới bếp, bảo đầy tờ từ bếp lên nhà trong nghe lời sai của ông Phan-Ngọc bà Phan-Ngọc.

Pháo nổ. Nhà giai đã đến. Lan đứng nép cạnh khung cửa nhìn ra buồng ngoài. Cả một buồng chật ních những người lỗ nhò trong khói pháo mờ. Một lát sau mọi người an tọa. Khói pháo tan dần. Đứng đầu sau cánh cửa, Lan nhìn thấy Lộc và bốn người phù rể mặc áo gấm lam đứng súm vào nhau ở góc buồng bên ngoài. Sau một tuần rượu Sâm-banh, đến một lượt nước chè rồi bà Phan-Ngọc chạy vào bảo Lan.

— Lên bảo em xuống đi.

Lan lên gác bảo cô dâu và các cô phù dâu xuống.

Cúc rút rề, mấy cô phù dâu đẩy Cúc đi trước rồi cả mọi người cùng xuống. Nhưng không ai đề ý đến Lan cả, cả Cúc nữa trong lúc này đang cảm động. Lan ở lại trên gác không xuống nữa. Lan ra đứng cạnh cửa sổ nhìn xuống đường. Người qua đường tò mò, lũ trẻ tinh nghịch đã đứng xem đông cả ngoài cửa. Một dãy ô-tô hòm, tám chiếc nối đuôi nhau sát bờ hè, những người tài xế đứng trên hè canh xe, khoanh tay nhìn vào phía trong nhà. Chiếc xe hòm bóng nhất, kết hoa trắng ở cuối dãy, cách mấy nhà. Một lát sau Lan thấy người xem đông rần rần, rồi trẻ con kêu ầm, vỗ tay cô dâu chú rể. Hai họ đã bắt đầu đi ra. Mỗi chiếc ô-tô chặt người rồi xích lên đằng trước để cho xe sau lên theo, người lái lên xe, xe lại tiến. Sau là chú rể và những người

phù để người nào mặt cũng sáng sửa tươi cười lên xe rồi còn ngoảnh nhìn các cô phù dâu ra sau cùng. Trẻ con reo hò và sán lại gần, phải có người răn đường thì cô dâu mới có lối đi. Cô dâu vội vàng lón vào trong xe. Chiếc xe hoa xích lên một bước rồi tiến thẳng sau dãy xe trên. Một tràng pháo tiễn nổ. khói um ngoài cửa. Lan vẫn đứng ở trên gác nhìn xuống đường. Dãy ô-tô đi xa rồi, chỉ còn nghe thấy vài tiếng còi « pin... pin... » mỗi lúc một nhỏ dần.

Lan quay vào trong buồng, cái buồng của nàng và của Cúc. Cúc, người ta đã mang hòm, chăn, gối, màn cưới của Cúc rồi. Mặc áo ở tường bỏ không, chỉ có một chiếc áo màu đen của Lan.

Lan không thấy vắng Cúc. Lan chỉ thấy Lan một mình.

Lan lững thững đi xuống dưới nhà. Nàng còn phải sửa soạn làm cỗ để chiều mời họ nhà gái đi đưa dâu về ăn.

Nhị hỉ, Cúc và chồng về nhà bố mẹ Cúc. Cúc ngượng nghịu bên cạnh chồng, Lộc ngượng nghịu bên cạnh vợ như người mặc bộ áo mới chưa vừa người, còn cứng nếp. Vừa bước chân vào đến cửa Cúc chạy vào trong nhà tìm Lan, bỏ chồng ở nhà ngoài nói chuyện với ông Phán-Ngọc. Lộc hôm nay sẽ phải chịu hết cái ngượng nghịu Cúc chịu ngày hôm qua ở nhà chồng. Cúc vào trong nhà còi ngay cái áo mới của nàng ra, bỏ cả giày. Ở đây nàng phải đi guốc, hay chân không, mặc áo cộc, chạy ra, chạy vào, cho bố với ngày hôm qua ở nhà chồng bị câu thúc, ngượng thẹn, ngồi đâu, đứng đâu cũng như có bao nhiêu mắt nhìn vào mình.

Cúc vui lắm, vì nàng mới lấy chồng, hay vì nàng được về nhà, Lan không biết. Lan chỉ thấy Cúc vui thôi. Cúc lại với Lan vốn vã như xa nhau đã bao nhiêu lâu rồi. Cúc vui lắm. Có lẽ nàng đã quên nỗi buồn riêng của Lan nên không nghĩ rằng nàng vui thì Lan lại có thể buồn thêm một chút. Lan thấy Cúc về mới lại nhớ Cúc, nhưng co Cúc đây Lan cũng vui. Hai người đã sống với nhau nhiều quá có thể quên nhau giây lát vì nỗi lòng riêng, nhưng khi xa nhau rồi lại gặp nhau thì nỗi lòng riêng lại quên má tình xưa chung chạ lại thêm u ám thăm.

Bà Phán-Ngọc bảo Lan xuống bếp làm cơm cho vợ chồng Lộc ăn. Lan xuống bếp, Cúc cũng xuống theo. Hai chị em châu đầu vào với nhau để nhặt rau hay thái thịt như hồi Cúc còn ở nhà: nói « hồi » tưởng là xa lắm thế mà mới có hôm qua, hồi trước thì cả hai chị em cùng ngồi nói chuyện, nhưng bây giờ chỉ có một Cúc nói thôi. Cúc nói

nhiều lắm. Nàng kể hết cho chị nghe những điều nàng đã nhận thấy ở nhà Lộc, nàng phải gọi bố mẹ Lộc là « thầy me » ngượng ngùng như thế nào, bố mẹ Lộc gọi nàng là « con » khó nghe như thế nào, rồi chị Lộc, rồi em Lộc, rồi cả Lộc nữa mà Cúc gọi là « anh chàng ấy » với một giọng nửa âu yếm, nửa chế riễu. Cúc nói hết cả với Lan, bình như nàng không nhìn nói được. Cảm giác mới quá và mạnh quá. Cúc không thể giữ được. Lan vẫn vừa làm vừa nghe. Chắc nàng cũng thích nghe những điều mới lạ ấy, nhưng sau cùng Lan bả, Cúc.

— Thôi đi lên trên nhà với me.

Lan thôi không muốn nghe chuyện Cúc nữa, hay là nàng không muốn để Cúc làm cơm với nàng. Cúc đã lấy chồng rồi, ở phải ở nhà này nữa đâu mà xuống bếp làm cơm với Lan.

Bữa cơm ấy Lan ngồi ăn với hai vợ chồng Cúc và ông Phán-Ngọc bà Phán-Ngọc. Lộc gọi nàng là « chị Lan » Lan gọi Lộc là « chú Lộc » Lan không ngờ nàng lại ngượng trước mặt Lộc. Lan không biết Lộc trông nàng ra sao. Dá nàng biết được cảm tưởng của Lộc: nàng đẹp hay nàng xấu, nàng trẻ hay nàng già. Lộc gọi nàng là « chị » nghe giọng cũng đã thân mật.

Tối hôm ấy Cúc lại về nhà chồng với Lộc. Nhưng công việc về đám cưới Cúc chưa xong. Ngày hôm sau Lan còn phải trông nom phơi mấy trăm bát đĩa và hai chục chiếc mâm vĩ để cất đi, cho đến khi lại mang ra dùng hết cả lần nữa... lần cưới Lan hay là lần cưới Mai người em thứ ba của Lan bây giờ đã 14 tuổi.

VŨ ĐÌNH-LIÊN

D^r TRỊNH VĂN TUAT

Stomatologiste

(CHỮA VÀ THAY RĂNG)

— Téléphone : 12-20 —

77 — RUE DUVILLIER — HANOI

L. T. S. — Bài này đáng nhẽ đăng vào số Tết thì hợp hơn, nhưng vì số Tết hết chỗ nên phải đề lại. Tuy vậy các bạn sẽ nhận thấy rằng dấu đăng ở số này, nó vẫn không giảm sự ích lợi đi chút nào.

— « Vui như tết ! », câu nói đó không còn ai chối cãi được. Trong mấy ngày tết mọi người đều vui-vẻ — tuy có người bề trong nhẩn nhó, nhưng bề ngoài vẫn phải tươi cười ! —

Vậy thời ai cũng muốn vui vẻ trong mấy ngày đầu năm. Muốn được vui người ta đã tìm ra bao nhiêu thú: ngoài sự hội-hợp trong gia-đình, ăn uống, chúc-tụng người ta lại còn biết bao nhiêu cách vui chơi khác: xuất hành, lễ chùa, đốt pháo, đánh bạc... Người ta miệt mài trong những cuộc vui chơi đó, mà ít người đã nghĩ rằng chính ở trong những thú kia có những mầm tai vạ không ngờ! Xin lỗi bạn đọc phải dùng những tiếng không vui chút nào đó trong buổi đầu xuân, lúc các bạn chỉ muốn cầu vui. Nhưng tác-giả bài này không có ý quở-quang ai hết, cũng chẳng phải định tâm bói bèo ra

bọ, mà chỉ muốn mách các bạn ít điều đề-phòng, giữ mình cho vui-vẻ được hoàn toàn, kẻo nhờ có khi « tai bay vạ gió » thì thực hết cả vui ! Thi-dụ cây nứa nhà ông giồng không chắc chắn, gió làm đổ vào đầu người hàng xóm thì ông liệu tính ra sao ? Lại thi-dụ con bà đốt pháo đề bay sang nhà láng giềng, bắn vào mũi người ta, hoặc sinh ra cháy nhà tai nạn thì bà chạy chữa lối nào ? Thực là « tai bay vạ gió » ! Lại nữa ông muốn tiêu-khiển trong cuộc đổ đen, nhờ ra có thể bị buộc vào « sâu dài » !.. Dưới đây là ít điều các bạn cần biết để giữ mình hay ngăn ngừa khỏi nhờ gây ra những án không đầu trong ngày tết nhất !

I. Đốt pháo: cháy nhà, tai nạn. — Ông muốn mua vui, ông đốt pháo để cháy nhà người ta, gây nên tai nạn, nghĩa là ông làm mất vui của người khác ! Ông liệu tính sao ?

Điều thứ 712, 713 Dân luật Bắc-kỳ (1) nói rằng: « Bất cứ việc gì của người làm ra mà thiệt đến ai thì người bởi lỗi mình việc ấy sinh ra buộc phải đền sự thiệt ấy. »

Điều thứ 713 nói: « Người nào làm thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm, không những tự mình làm ra mà lại vì cả mình trể-nải hay vô ý mà sinh ra cũng vậy. »

Cứ theo như mấy điều luật đó, thì ông mà đốt pháo, vô ý hay không, để cháy nhà người khác hay xảy ra tai nạn, thì ông phải chịu trách nhiệm, nghĩa

là ông phải bồi-thường cho người bị thiệt hại. Nhưng ông đừng vội tưởng chỉ chính tay ông đánh riêm đốt pháo mới phải chịu như vậy. Nếu con nhỏ ông (vị-thành-niên) chơi nghịch đốt pháo, ông cũng phải chịu trách-nhiệm (điều thứ 714, đoạn 3); mà ngay cả đến con nhớn ông (nghĩa là đã thành niên-majeur) đốt pháo, co khi ông cũng phải đền thay nó, nghĩa là khi nó ở cùng một nhà với ông, dù là nó đã có vợ con đông đúc, dù là nó có công ăn việc làm, nó kiếm ra tiền mà không đưa ông một đồng xu nhỏ, vì cứ theo như điều 207 Dân-luật Bắc-kỳ (đoạn 2 (2) thì con dù là đã thành-niên mà còn ở chung với bố mẹ thì vẫn thuộc phụ-quyền (puissance paternelle) và không được có tài-sản riêng. Vậy nếu có người bị thiệt hại vì con ông đốt pháo, pháp luật chỉ biết có ông đền đền người đó, vì tài-sản của con ông tức là của ông (tuy điều đó nhiều khi trái với sự thật !). Nhưng nào đã hết đâu ! Không những ông phải đền thay con nhỏ, con nhớn ông, mà ông lại phải đền thay cả đầy-tớ ông nữa (điều 714, đoạn 4). Nhưng không phải là ở trường-hợp nào ông

cũng phải « dùng mũi chịu sào ! » như vậy: chỉ khi nào ông sai nó đốt pháo cho ông vui hay cho con ông chơi, là ông phải đền, còn chẳng nhẽ khi nó tự ý lấy tiền túi của nó mua pháo đốt chơi, nhất là khi nó ra máy nước muốn chơi nghịch với chúng bạn nó chẳng hạn, mà bắt đền ông thì cũng oan lắm, vì ông có nuôi nó để nó đốt pháo chơi đâu ! (theo journal judiciaire 1940, phần thứ IV trang 42).

Nhưng còn có khi không phải ông đốt pháo, cũng không phải con nhớn, con nhỏ ông hay đầy tớ ông đốt, mà ông cũng phải đền lây ! Ấy là khi cùng vài ba anh em, trên hiệu dưới xóm, chè chén vui chơi, rồi một người hừng tri nảy ra ý-tưởng đốt pháo, mọi người tán thành, ông cũng đành yên lặng đưa theo. Xảy ra tai nạn, ai đền ? Lẽ tất nhiên là cả ngần ấy người phải liên đới bồi thường. Nhưng có điều rầy là có khi người bị thiệt cứ chỉ vào ông mà bắt đền; khi đó ông cứ lặng yên mà nộp tiền, còn về sau kiện anh em lấy lại, thì cái đó tùy ông ! (journal judiciaire 1931, phần II trang 304).

(Xem tiếp trang 31)

(1) Dân-luật Bắc-kỳ, Trung kỳ, Nam-kỳ, ở mục này đều là phỏng theo Dân-luật Pháp, cho nên giống nhau.

(2) Điều này riêng cho Bắc kỳ và Trung kỳ, không kể Nam-kỳ.

HÀI HU'ỚC TRONG

(Tiếp theo)

PHẦN THỨ HAI

Hài hước vì hài hước.

A) Có những việc không đâu, hay rất nhỏ mọn, mà ca-dao Việt-nam biết lấy ra để làm cuộc vui, làm ta cười mãi, cười một cách thành-thực chứ không phải cười gượng.

Thí dụ một cô tiểu-thư đen thì có gì là lạ nhưng ta hãy nghe câu :

« Cô kia đen thủi đen thui,

Phấn đánh ó hời đen - ần hoàn đen ! »

Hay một cô tóc quăn (Riêng chỗ này ta phải đứng về thời đại ấy thì mới cho tóc quăn là xấu, còn như bây giờ thì tóc quăn nhiều người lại cho là đẹp.)

« Tóc quăn chải lược đôi mồi,

Chải đừng chải ngồi quăn vẫn hoàn quăn ! »

Vẫn chuyện một cô gái đen, anh chồng thành ra bị cợt lầy :

« Vợ anh đen lắm anh ơi!

Đem ra chỗ nắng mà phơi cho giòn.

Thóc phơi ba nắng thì giòn,

Vợ anh ba nắng sắp dòn mà khiêng.»

Cũng có cô thì vừa đen lại vừa xấu thói, hay ngủ, thế mà còn làm bộ làm tịch với chồng.

« Cô kia má tựa hòn than,

Nằm đầu ngủ dầy lại toan chề chồng.»

Có nhiều cô thì sắc cũng không có, mà tài cũng không có, mà lại nhiều thói xấu, nhưng may sinh được giờ tốt nên được chồng yêu mọi phương diện, làm cho chị em bực mình mà ghen cái số phận may mắn, tự đem so sánh mình với người tốt số mà chán cái phận hẩm hiu.

« Những người má đỏ hồng hồng,

Răng đen nhưng nhứt thì chồng chẳng yêu.

Những người mặt nhọ như niêu,

Cái răng khấp khểnh chồng yêu lạ lùng.»

Thế cũng chưa lạ. Còn có những cô xấu hơn thế nhiều mà chồng vẫn yêu và lại tìm hết cách che chở cho nữa.

« Mũi em xòm xòm những lông,

Chồng yêu chồng bảo râu rồng giới cho.

Đêm nằm em ngáy o o,

Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.

Đi chợ em hay ăn quà,

Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.»

Nhưng ta chớ tưởng chỉ các bạn gái mới bị mang ra chế riễu. Còn anh em bạn gái ta, ca giao cũng không kiêng nê.

« Ai ơi chớ lấy học trò,

Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.»

Vẫn biết rằng chàng học trò ta có thể nói :

« Hay nằm thì có võng đào,

Dài lưng thì có áo trao vua ban.»

và :

« Hay ăn thì có thóc kho,

Yết gì mà chẳng ăn no lại nằm.»

Nhưng chàng ta cũng không chối cãi được cái tật xấu dài lưng tốn vải...

Nhiều anh trong bạn gái làm cho ta lại nản hơn nữa :

« Làm giai cho đáng nên giai,

Ăn cơm với vợ lại nài cậy niếu.

Con vợ nó cũng biết điều,

Thất lưng con cón cậy niếu với chồng.»

Các cậu ở nhà quê nhiều cậu lại vụng về các đường đi đến nỗi có người nói :

« Anh này rõ khéo làm ăn,

Đi cây không biết chứt khăn mượn người.»

Chứt khăn mà cũng phải đi mượn, thì chắc anh ta không còn biết làm việc gì khác. Không những chịu là vụng về, anh ta nhiều lúc còn làm bận các cô trong công việc ngoài đồng.

Anh chỉ ước ao.

« Bao giờ cho đến tháng hai,

Con gái nhặt cỏ con giai be bờ.

Gái thì kẻ phủ ngâm thơ,

Giai thì be bờ kẻ truyện bài báy.»

Đến khi đi làm rề thì lại xấu hơn.

« Công anh làm rề Chương dài,

Một đêm ăn vụng hết hai vại cà.

Giếng đầu thì rất anh ra,

Kẻo anh chết khát vì cà đêm nay.»

Đến khi lấy được vợ rồi bao nhiêu tri vui về can đảm tiêu tán đi mất sạch, rồi một hôm tự nhiên than thân :

« Xưa kia có thể này đầu,

Bởi vì sợ vợ nên râu quặp vào.»

Không trách đàn bà họ bảo anh em đàn ông :

« Ba đồng một mớ đàn ông,

Đem về mà bỏ vào lồng cho kiến nó tha.»

Còn như đàn bà thì :

« Ba trăm một mụ đàn bà,

Đem về mà giải chiếu hoa cho ngồi.»

Những câu hài hước có duyên như vậy ai mà không thích. Nó có cái đặc sắc là rất giản dị mà lại rất vui, nó chỉ làm cho ta cười mà ta không giận, nó chỉ làm ta khuấy khoả mà không làm ta phân vân nghĩ ngợi chừ các câu trong đoạn trên. Nhất là nó lại khéo lợi dụng những việc không đâu để làm ta vui.

CA-DAO VIỆT-NAM

B) Ca dao Việt-nam lại khéo biết dùng chữ làm ta cười. Cách hài hước đó cũng không phải là dễ. Đại khái muốn tả một anh vô công rồi nghề chỉ ăn rồi lại nằm, hễ động thấy chèo hát chỗ nào lại dấn sác đến xem, ca dao ta có câu :

« Ăn no rồi lại nằm quèo.

Thấy giặc trống chèo bẽ bụng đi xem.»

Chữ nằm quèo và chữ bẽ bụng cứ nghe cũng đủ phì cười rồi, chớ đừng nói đến ý.

Trong ca dao Việt-nam, ta còn nhận thấy những chữ láy đi láy lại, nhưng nghĩa khác nhau — làm cho trái ngược hay khác hẳn ý người ta muốn nói — tức là cách (jeu de mots) trong hài hước Pháp.

« Bà già đi chợ cầu đông,

Bói xem một quẻ lầy chồng lợi chẳng.

Ông thầy xem quẻ nói rằng,

Lợi thì có lợi nhưng rằng không còn.»

Dùng chữ lợi chính là chữ của bà cụ để trả lời bà cụ, nhưng lại vạch rõ cái ý trái mùa của bà cụ mà nhắc đến đôi hàm răng rụng biểu hiệu cho sự già, như thế thực là tuyệt diệu.

C) Ca dao Việt-nam lại khéo lấy những cái có hơi chút ngớ ngẩn để mua vui. Đọc những câu

« Con kiến mày ở trong nhà.

Tao đóng cửa lại mày ra đằng nào.

Con cá mày ở dưới ao.

Tao tát nước vào mày sống được chăng.

Con chim mày ở trên cây.

Tao đứng dưới đất mày bay đằng nào.»

Ta có cảm tưởng đứng trước mặt một chú « khờ » mặt mày ngây ngô, đang sung sướng những cái không đáng sung sướng, đang tự phụ những cái không đáng tự phụ, một lời nói, một cử chỉ của chú chỉ làm lộ thêm cái « khờ » của chú ra mà thôi.

Cũng có những cái ngớ ngẩn, tuy rằng ngớ ngẩn thực nhưng nghĩ kỹ ra thì cái ngớ ngẩn đó lại là trá hình để tỏ cái ý tinh ranh hóm hỉnh.

« Buồn ngủ buồn nghề,

Buồn ăn cơm nếp cháo ké thịt gà.

Buồn ăn bánh đúc bánh đa,

Buồn ăn khoai thẹn cùng là cháo ké.»

Hay là câu :

« Nỗi buồn mà chẳng nói ra,

Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.»

D) Ca dao Việt nam, về phương diện hài hước, còn có một đặc sắc nữa là biết dùng những cái không ngờ để làm vui.

Một cô con gái đang dụ dăng thỏ thẻ :

« Anh như tán tía tán vàng,

Em như mảnh chiếu rách nhà hàng bỏ quên.»

Nhưng ta đừng tưởng cô là người nhả nhặn, đã quên mình, đã rẻ mình mà chỉ nghĩ đến cái quý giá của người yêu. Vì khi cô ta thấy người yêu đang nở nang mày mặt, sung sướng vì những câu phỉnh phờ đó thì, cũng một giọng mềm mại tự nhiên như trước, cô nói :

« Lay giới cho cả giò lên,

Cho mảnh chiếu rách lên trên tàn vàng.»

Người yêu tung hứng, bấy giờ mới hiểu cái ý ranh mãnh của cô.

Trong một trường hợp khác, gặp lúc anh chàng đang muốn ngỏ bày tâm sự, cô ta cứ thần nhiên mặc chàng mồm mép. Tuy không muốn nghe, nhưng cô ta cũng không nỡ cự tuyệt một cách phũ phàng, chỉ mỉm cười. Anh chàng càng phần khởi nhưng bỗng nhiên nàng dừng dạy rồi nhẹ nhàng nói :

(Còn nữa) ·

NGUYỄN NGỌC-MINH

Đầu năm thần tài
đá vào nhà ngài
ehi bỏ 1 \$ 00 mua

VÉ SỔ SỐ
Đông - du'ng

các ngài sẽ trúng
10 vạn bạc

Ô-tô nhà lâu... cả một
tương-lai rực rỡ.

<https://tioulun.hopto.org>

Ý-KIẾN BẠN ĐỌC ĐỐI VỚI THANH-NGHỊ

Saigon le 20 Février 1942
à Monsieur le Directeur du Thanh Nghị
HANOI

Thưa Ông,

Từ chín tháng nay tôi đã được đọc một tờ báo rất bổ ích cho trí não ! Ấy là tờ báo Thanh-Nghị.

Thật thế tờ báo Thanh-Nghị là một người bạn chí thân hơn nữa là một ông thầy luôn luôn tận tâm dìu dắt bọn trẻ chúng tôi trên đường đời.

Nhờ những tài liệu rất dồi dào và bài vở soạn rất công phu mà chúng tôi có thể biết thêm được một ít kinh nghiệm ở đời.

Tôi đã đọc rất kỹ và nay tôi không ngần ngại mà mua Thanh-Nghị dài hạn.

Tôi gửi theo thư này, ngân phiếu 2p.10 tiền mua báo hạn một năm kể từ số 10 (số tháng Mars).

Tôi mong rằng tờ Thanh-Nghị sẽ sống vẻ vang và mãi mãi với thời gian.

Nay kính thư
HỒ THƯỜNG

n° 98 Rue Magnannerie à Thị Nghé (Gia định)

Tái bút. — Một ít chị em bạn gái của tôi mong rằng tờ Thanh-nghị sẽ thành một tờ báo chung cho cả nam ~~ph~~ữ, nghĩa là sẽ có nhiều bài về phụ nữ.

Vậy tôi xin nói đề ông đề tâm cho.

*
* *

Thưa quý báo,

Đọc báo Thanh-Nghị đọc giả có cảm tưởng ngồi soi tấm gương trong, ngửi một lư trầm ngào ngạt.

Thật vậy trong đó đọc giả đã tìm thấy một miếng ăn đích đáng cho tinh thần.

Mong... cái tinh thần Nam-Việt quý hóa kia được xuy diễn mãi trên văn đàn tâm huyết. Phải chăng? một tấm lòng ái quốc cao thượng mà thiết tha...

BẢO MỜI

Chúng tôi nhận được :

1-) Số đầu báo « TIN LÀO » xuất bản ở Vientiane mỗi tháng một kỳ, cơ quan bằng chữ quốc-ngữ của Việt-Kiên ở Lào.

2-) Tập mới « BẠN ĐƯỜNG » tái bản, sau hơn ba tháng tạm nghỉ, với một thẻ tài mới. Xin kính chúc hai bạn đồng nghiệp được mọi sự may mắn và vui lòng giới thiệu với các bạn đọc.

Sách mới

NGHỆ THUẬT SỐNG của Dững-Kim, do Đới Mới xuất bản, giá 0p.45.

LÃO TỬ của Ngô-tất-Tổ và Nguyễn-đức-Tinh soạn, do Mai Lĩnh xuất bản, giá 0p.80.

Ồi ! nếu tâm hồn kẻ trí thức mà sa ngã.

Cái tư tưởng quần chúng sẽ rối ren thối nát.

Thì cách sử thế kia đến chỗ truy lạc diệt vong.

Há cũng một mối lo chẳng? Chúng tôi xin ví những nhà văn sĩ trí thức kia như người thợ may khéo đang tận tụy với nghề mình và lành những cái áo bị chông gai rách nát. Nhưng mũi kim thế nào cho tinh vi? mụn vải thế nào cho vuông vắn kín đáo? Khi thành, cho cái áo có vẻ khả quan.

Nhóm thanh niên quê xin gửi cho một năm báo cả hai phần A và B chưa xem ngân phiếu, xin cho tính sau, theo địa chỉ sau này :

Monsieur Ngô-đăng-Đức

Village de Phong-cốc, Tổng de Hà-nam, huyện de Yên-hưng, provnce de Quảng-yên.

Mấy lời trân trọng xin chúc quý báo trường thọ và hăng hái bước trên con đường lý tưởng.

Ngày 24 Aout 1941

Kính Bút

NGÔ-ĐĂNG-ĐỨC

L. T. S. — Xin thành thực cảm ơn các bạn về những nhời khen và khuyến khích. Xin chú ý đặc biệt đến điều yêu cầu của bạn Hồ Thường.

BÁC - SĨ

DẶNG - VŨ - HỖ

nguyên nội trú tại nhà thương
St LAZARE A PARIS



CHỮA CÁC BỆNH

CHUYÊN MÔN CHỮA bệnh
HOA LIỄU và bệnh đàn bà

Giờ khám bệnh

SÁNG TỪ 8 GIỜ ĐẾN 12 GIỜ

CHIỀU TỪ 3 GIỜ ĐẾN 7 GIỜ



18, Rue Richaud. Hanoi
(đầu ngõ Hội-Vũ) — Tél. 242

ÁN TẾT

(tiếp theo trang 27)

Ấy đấy đốt pháo có vui thật, nhưng cũng có khi thực chẳng vui chút nào ! Thật là có lúc mua pháo mượn người đốt ấy, thế mà sinh ra tai nạn vẫn phải nai lưng ra đền ! Nhưng nếu ông không đốt pháo mà lại đánh bạc, ông cũng nên cẩn thận vì chưa chắc ông đã được hoàn-toàn vui vẻ !

II, **Đánh bạc.** — Trong một vài ngày tết vui anh em đánh bạc, thường cũng chẳng đến nỗi nào đâu. Nhưng ác thay, đánh bạc hay cay, trước vui chơi sau ra « sát phạt », mà rồi đến liên miên suốt tháng. Vả lại :

« Tháng giêng ăn tết ở nhà,

Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè... »

kia mà ! Vả những lúc nhỡ bị truy tố thì biết làm sao ? Hoặc giả có người muốn biết trong các môn cờ bạc, có môn nào pháp luật dung túng cho không ? Xin nói rằng pháp-luật dựa vào nguyên tắc sau đây mà quyết định : Môn chơi nào xét ra cần dùng đến sự thông-minh, khéo léo, và chú ý để ăn thua thì không bị cấm, mà những môn nào sự ăn thua toàn nhờ ở may rủi thì bị cấm. (theo journal judiciaire 1935, phần II trang 81 và 1937, phần IV trang 83).

Theo cái nguyên tắc đó thì hai môn chơi thông-dụng hơn hết của người An-nam : cờ-tôm và chắn, liệt vào hạng nào ? Đây tôi xin đề nhượng pháp-luật giả nhời, nghĩa là tôi xin dẫn ra đây hai bản phán nghị của hai tòa thượng-thẩm (arrêts des Cours d'appel) Saigon (phiên ngày 13 Novembre 1934) và Hanoi (phiên ngày 12 Octobre 1937).

Tòa thượng-thẩm Saigon đã dựa vào bài nghiên-cứu về cờ-tôm của ông Hoàng-hữu-Phương, chủ sự phòng thông ngôn tại tòa đó, mà quyết định. Xin trích dịch một đoạn của lời phán nghị đó :

— « Lý do việc này quan hệ đến một môn chơi nguồn gốc ở Bắc-kỳ, mà hiện nay ông Hoàng-hữu-Phương, chủ sự phòng thông ngôn tại tòa đang nghiên-cứu — theo lời chủ giải của ông này..., thì cờ-tôm là một « môn chơi trừu hoạc » (jeu de combinaisons diverses) có thể so-sánh với môn mà chúng ta (mã-tức) trong đó sự ăn thua không phải chỉ nhờ ở sự may rủi, mà lại còn cần đến sự thông-minh, sự khéo léo, sự chú ý... »

...vậy tha bổng cho Đ.v. K. »

(J. J. 1935 phần Hình-luật trong 81)

Vậy thời theo lời phán-nghị đó, chơi cờ-tôm không phải là một tội đối với pháp-luật. Những ông nào ưa « châu tôm » chắc phải hài lòng. Nhưng còn « đánh chắn » thì sao ? Đây tôi lại chỉ xin trích dịch một đoạn của lời phán nghị tòa thượng-thẩm Hanoi phiên ngày 12 Octobre 1937 :

— « Lý do theo một bài báo trong tờ An-nam Nouveau ngày 12 Mai 1935, ông Nguyễn-văn-Vĩnh

viết rằng : Chắn là một môn chơi toàn nhờ sự may rủi, đặt theo mấy điều lệ tầm thường một cách trẻ-con, không đáng gọi là một trò chơi khéo léo, tính toán,... không cần đến một chút thông minh và chú ý, vì đánh cứ lần lượt người này sang người kia, không có sự gì đến thay đổi, tuần tự một cách vô vị. Mà người được thì không có tài-cán gì hơn là may được phần bài làm sẵn và nhờ những quân tốt do sự may rủi mang đến... » và lại thêm :... « môn chắn ít khi chơi ở xã-hội lương thiện (bonne société) mà chỉ đánh ở những nhà làm nghề gá chứa, và đã làm cho bao nhiêu gia-đình tan nát... » Lại theo lời của nhà báo ấy còn nói : « Vậy cho nên chúng tôi mong rằng môn chơi đó phải liệt vào hạng chơi đen đỏ để pháp-luật ngàn cấm và trừng phạt... »

— Lý do như thế thì từ lâu vẫn có sự hồ nghi về tính cách xác-thực của môn chơi đó, có người cho là một môn chơi may rủi, có người cho là một môn chơi khéo léo, cần thông minh ngang với sự đen đỏ.

— « Lý do tuy nhiên, nên coi, trong môn chơi đó, là phần may rủi nhiều hơn phần khéo léo và thông minh (phán nghị tòa Đại-thẩm-viện ngày 19 Février 1921 và ngày 15 Février 1923), vậy cho nên chắn là một môn chơi đen đỏ, cần phải thi hành điều 410 Hình luật... »

J. J. 1937 phần IV trang 83)

Nói tóm lại, nếu chúng ta có thể nói được có giai-cấp trong nghề cờ-bạc, thì môn cờ-tôm nhờ pháp-luật công nhận, được liệt vào giai-cấp « thượng lưu đồ bạc », mà chắn thì số phận hẩm hiu phải liệt vào giai-cấp « hạ-lưu đồ bạc » đáng nên trừng phạt ! Chắc các bà ưa môn chắn ạ không được hài lòng !

Nhưng cứ thiên ý tôi thì cờ chắn dù cờ-tôm, đánh thua ai cũng dám cay, mà đã cay thì hết vui trong ngày tết nhất. Chi bằng đừng cờ bạc là hơn cả, không mất tiền mà cũng chẳng phải bàn khoản lưỡng lưỡng đến lúc « che mặt ra tòa » !

ĐỖ-ĐỨC-DỤC

MỘT NHÀ CHUYÊN MÔN ĐÓNG
GIẤY PHỤ-NỮ TO NHẤT
HÀ-THÀNH :

QUẾ HIÊN

Propriétaire Vũ-Bình-Đán

36 — Hàng Bồ — Hanoi

QUÝ BÀ QUÝ CÔ MUỐN CÓ GIẤY
VÀ SANDALES KIỀU MỚI ĐỂ ĐI
MÙA NƯỚC XIN MỜI LẠI BẢN HIỆU.

MÙA XUÂN NHÂM-NGỌ SẼ RA

XUÂN THU NHÃ TẬP

*tiên phong trong văn-chương,
nghệ - thuật, tư - tưởng*

Công trình của

ĐOÀN PHÚ TÚ
PHẠM VĂN HẠNH
NG. XUÂN SANH
NG. LƯƠNG NGỌC
NGUYỄN ĐỖ CUNG
NG. XUÂN KHOÁT

Chè tẩy không đau bụng.
Dùng ít nhuận tràng,
thông tiểu tiện. Dùng
lâu khỏi hẳn bệnh táo,
mụn, nhọt, lở, ngứa,
làm cho da trắng
và mịn. Rất hợp
với tạng dân bà.



TISALAXA

Bán tại :

Pharmacie

TÍN
H A N O I

và các hiệu thuốc lớn ở
ĐÔNG-PHÁP

NHÀ THUỐC

NĂM MỚI

ĐẠI - QUANG

XIN KÍNH CHÚC CÁC NGÀI
DÙNG THUỐC ĐẠI QUANG
ĐỀU ĐƯỢC BÌNH AN
MẠNH KHỎE QUANH NĂM.

23 — HẰNG NGANG — HANOI

